

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**



**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ- TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2025**

Phú Thọ, tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

TT	Nội dung	Trang
PHẦN I.	GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG	7
1	Thông tin chung về trường	7
2	Thành tích nổi bật của trường	7
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	9
4	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	13
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	16
PHẦN II.	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	18
1.	Tổng quan chung	18
1.1.	Căn cứ tự đánh giá	18
1.2.	Mục đích tự đánh giá	18
1.3.	Yêu cầu tự đánh giá	18
1.4.	Phương pháp tự đánh giá	18
1.5.	Các bước tự đánh giá	19
2.	Tự đánh giá	19
2.1.	Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	19
2.2.	Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	25
2.2.1.	Tiêu chí 1: Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	25
2.2.2.	Tiêu chí 2: Cấu trúc, nội dung của chương trình đào tạo	29
2.2.3.	Tiêu chí 3: Hoạt động đào tạo	37
2.2.4.	Tiêu chí 4: Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động	47
2.2.5.	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, học liệu	54
2.2.6.	Tiêu chí 6: Người học và hoạt động hỗ trợ người học	61
2.2.7.	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	66

PHỤ LỤC	Bảng mã minh chứng	75
----------------	--------------------	----

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Ý nghĩa
1	BCH	Ban chấp hành
2	BCN	Bộ công nghiệp nặng
3	BCSD	Ban cán sự đảng
4	BCT	Bộ công thương
5	BG&ĐT	Bộ giáo dục và đào tạo
6	BGH	Ban giám hiệu
7	BLĐTB&XH	Bộ lao động - Thương binh và Xã hội
8	BNV	Bộ nội vụ
9	CBGV	Cán bộ giáo viên
10	CBQL	Cán bộ quản lý
11	CBVC	Cán bộ viên chức
12	CĐCN&TM	Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại
13	CĐCNPY	Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên
14	CĐN	Cao đẳng nghề
15	CNTT	Công nghệ thông tin
16	CP	Chính phủ
17	CSVC	Cơ sở vật chất
18	CTĐT	Chương trình đào tạo
19	CTHSSV	Công tác học sinh sinh viên
20	ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
21	ĐCCT	Đề cương chi tiết

22	ĐT	Đào tạo
23	ĐTN	Đoàn thanh niên
24	ĐTNCSHCM	Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
25	ĐVTN	Đoàn viên thanh niên
26	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
27	GDPT	Giáo dục phổ thông
28	GDTX	Giáo dục thường xuyên
29	GTVL	Giới thiệu việc làm
30	GV	Giáo viên
31	GVCN/CVHT	Giáo viên chủ nhiệm cố vấn học tập
32	HSSV	Học sinh - sinh viên
33	HSV	Hội sinh viên
34	TĐG	Tự đánh giá
35	KĐCL	Kiểm định chất lượng
36	TĐGCLGDNN	Tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp
37	KH	Kế hoạch
38	KHCN	Khoa học công nghệ
39	KHCN-ĐN	Khoa học công nghệ - Đối ngoại
40	KTX	Ký túc xá
41	LĐTBXH	Lao động Thương binh và Xã hội
42	NCKH	Nghiên cứu khoa học
43	NSNN	Ngân sách Nhà nước
44	NV - KTV	Nhân viên - Kỹ thuật viên

45	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
46	QĐ	Quyết định
47	QLGD	Quản lý giáo dục
48	QTDN	Quản trị doanh nghiệp
49	QT-TB	Quản trị - Thiết bị
50	SPDN	Sư phạm dạy nghề
51	TB	Thông báo
52	TCCB	Tổ chức cán bộ
53	TCĐC	Tổng cục địa chất
54	TCGDNN	Tổng cục giáo dục Nghề nghiệp
55	TCHC	Tổ chức - Hành chính
56	TCKT	Tài chính - Kế toán
57	TCN	Trung cấp nghề
58	TĐKT	Thi đua khen thưởng
59	THCS	Trung học cơ sở
60	TN	Tốt nghiệp
61	TT	Thông tư
62	TTTS & GTVL	Trung tâm Tuyển sinh và Giới thiệu việc làm
63	UBND	Ủy ban nhân dân
64	XKLD	Xuất khẩu lao động

PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại

1.2. Tên tiếng Anh: COLLEGE OF INDUSTRY AND TRADE

1.3. Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

1.4. Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: *Cơ sở 1*: Phường Phúc Yên - Tỉnh Phú Thọ.

Cơ sở 2: Xã Kim Anh - Thành phố Hà Nội.

Cơ sở 3: Phường Phúc Yên - Tỉnh Phú Thọ.

1.5. Số điện thoại: 0211 3 873 910

1.6. Số Fax: 0211 3 873 910

1.7. Email: Coit@pci.edu.vn

1.8. Website: www.coit.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường:

Năm thành lập trường: 1960 theo quyết định số 255/TCĐC ngày 15 tháng 10 năm 1960 của Tổng cục Địa chất. Trường mang tên Trường Trung cấp Địa chất.

Năm 2006 nâng cấp lên thành trường cao đẳng theo Quyết định số 2832/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường mang tên Trường Cao đẳng Công nghiệp Phúc Yên.

Năm 2018 nhà trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại theo Quyết định số 599/QĐ-LĐTĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.10. Loại hình trường: Công lập

2. Thành tích nổi bật của trường

Trong 65 năm xây dựng và trường thành, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động, Nhà trường đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo; từng

bước đầu tư và hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đội ngũ cán bộ giáo viên tăng cả về số lượng cũng như chất lượng. Đến nay, Nhà trường đã mở được nhiều ngành nghề đào tạo; quy mô tuyển sinh của trường tương đối ổn định qua các năm. Học sinh sinh viên tốt nghiệp ra trường có kỹ năng tốt, đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

Những thành tích nổi bật đáng ghi nhận:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, BGH nhà trường và sự phối hợp của các Đoàn thể, Nhà trường đã tổ chức tốt nhiều hoạt động thi đua dạy tốt, học tốt, hoàn thành nhiệm vụ đào tạo và phát triển nhà trường. Với những thành tích hoạt động trong thời gian qua, Nhà trường đã được Bộ Công thương, Bộ GD&ĐT, UBND tỉnh Vĩnh Phúc tặng nhiều Bằng khen.

Đảng ủy nhà trường đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*” được Đảng ủy Khối Công nghiệp công nhận và tặng Giấy khen.

Tổ chức Công đoàn hoạt động có hiệu quả cao, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác giảng dạy và học tập, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức và thực hiện Nghị quyết hội nghị Cán bộ - Viên chức hàng năm. Thực hiện các phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả, đời sống của CBVC ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều năm liền Công đoàn trường đạt danh hiệu: “*Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc*”; nhiều đoàn viên được tặng Giấy khen Công đoàn Công thương, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

Đoàn trường đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm phần lớn đoàn viên, thanh niên là HSSV nên các hoạt động của Đoàn đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân lập nghiệp. Thông qua các hoạt động nhằm giúp HSSV có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn trường cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho ĐVTN như văn hóa văn nghệ, TDTT; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hàng năm... Công tác tập hợp thanh niên, giáo

dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Vĩnh Phúc và Thành Đoàn phát động.

*** Một số thành tích cụ thể:**

Ghi nhận những thành tích đóng góp của Nhà trường đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhà trường đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng các danh hiệu cao quý:

Cờ thi đua của UBND Tỉnh Vĩnh Phúc, QĐ số 2229/QĐ-UBND, ngày 12/9/2019.

Tập thể lao động xuất sắc Bộ Công Thương: QĐ số 33/QĐ-BCT, ngày 7 tháng 1 năm 2020.

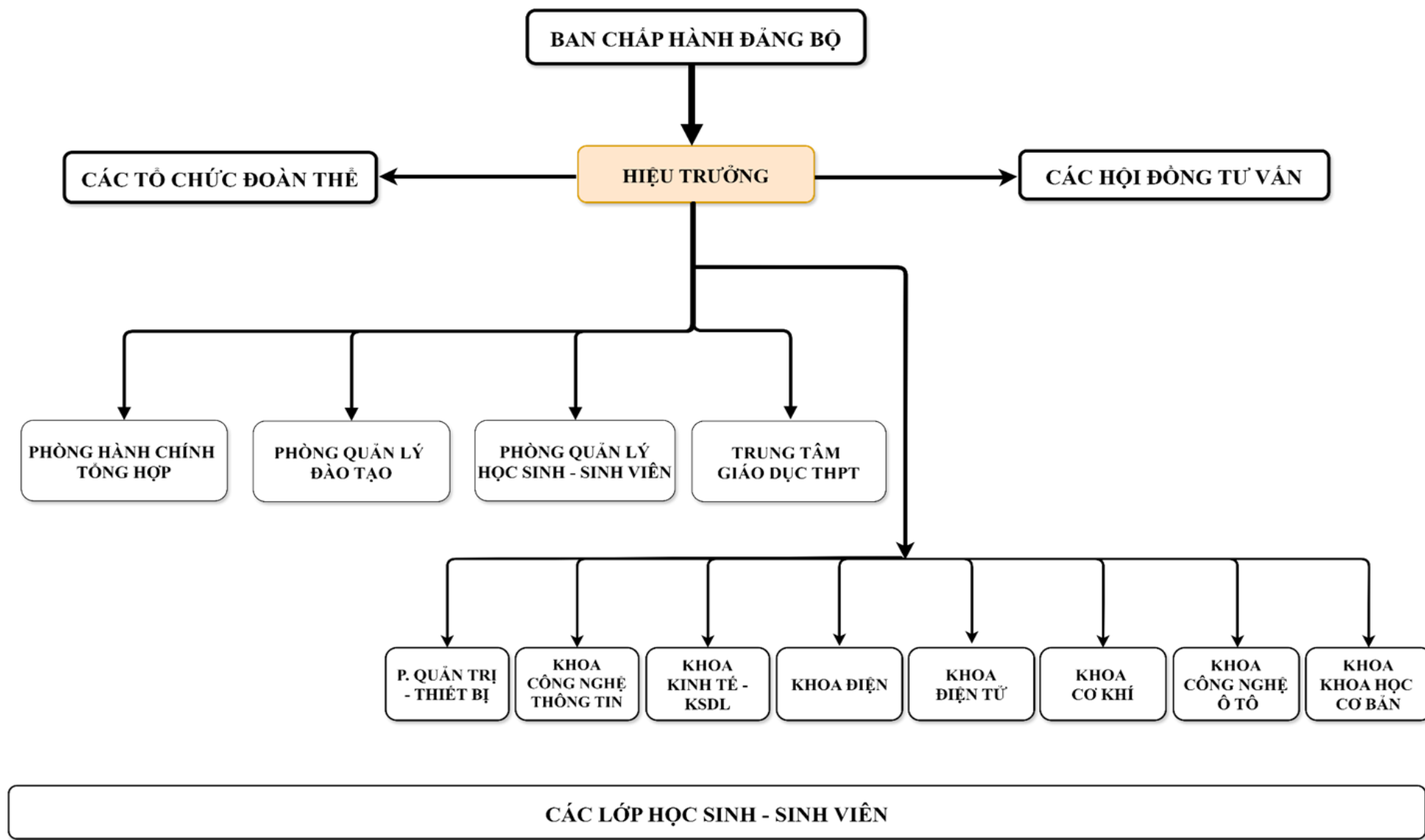
Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2020, Quyết định số 378-QĐ/ĐUK ngày 05 tháng 01 năm 2021 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2020;

Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021, Quyết định số 1177-QĐ/ĐUK ngày 24 tháng 12 năm 2021 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2021;

Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022, Quyết định số 2080-QĐ/ĐUK ngày 28 tháng 12 năm 2022 về Đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng năm 2022).

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Cơ cấu tổ chức (sơ đồ trang bên)



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu				
	Nguyễn Hải Bằng	1975	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn				
Đảng ủy	Nguyễn Hải Bằng	1975	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Bí thư
Công Đoàn	Nguyễn Quốc Trí	1977	Thạc sĩ Kinh tế	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Vũ Thị Thùy Linh	1986	Thạc sĩ	Bí thư
3. Trưởng các Phòng, Ban chức năng				
Phòng Quản lý Đào tạo	Vũ Cao Điền	1972	Thạc sĩ kỹ thuật	Trưởng phòng
Phòng Hành chính tổng hợp	Hoàng Trung Việt	1977	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Trưởng phòng
Phòng Quản lý Học sinh - Sinh viên	Nguyễn Thế Hưng	1982	Thạc sĩ tự động hóa	Trưởng phòng
Phòng Quản trị - Thiết bị	Lý Hồng Thắng	1978	Thạc sĩ chuyên ngành lý luận và Phương pháp DH	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Khoa Điện	Trần Quốc Hoàn	1979	Tiến sĩ Điện khí hóa mỏ	Trưởng khoa
Khoa Cơ khí	Nguyễn Đức Minh	1983	Thạc sĩ CN cơ khí	Trưởng khoa
Khoa Điện tử	Lưu Văn Hải	1976	Thạc sĩ KT điện tử	Trưởng khoa
Khoa KHCB	Trần Hoài Thu	1979	Thạc sĩ Triết học	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế - KSDL	Nguyễn Quốc Trí	1977	Thạc sĩ kinh tế	Trưởng khoa
Khoa CNTT	Phù Xuân Vĩnh	1974	Thạc sĩ Khoa học máy tính	Trưởng khoa
Khoa CN ô tô	Nguyễn Thái Hà	1977	Thạc sĩ Kỹ thuật ô tô	Phó Trưởng khoa phụ trách khoa
5. Trưởng các Trung tâm				
TT GD THPT	Nguyễn Minh Tú	1978	Thạc sĩ Toán	Giám đốc

3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân	133	134	127

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
viên của trường			
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	122	122	115
- Tiến sĩ	02	02	3
- Thạc sĩ	102	100	93
- Đại học	18	20	19
- Cao đẳng	0	0	0
- Trung cấp	0	0	0
- Trình độ khác	0	0	0
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	74/122 Chiếm tỷ lệ 60,6%	74/122 Chiếm tỷ lệ 60,6%	72/115 Chiếm tỷ lệ 62,6%

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công	Cao đẳng	80	56	80	93	80	95

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
	nghề nghiệp	Trung cấp	370	231	405	421	405	321
		Sơ cấp	20		20	4	20	2
2	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	25	19	25	7	25	0
		Trung cấp	130	210	95	163	95	144
		Sơ cấp	20		20		20	
3	Hàn	Cao đẳng						
		Trung cấp	50	47	25	49	25	25
		Sơ cấp	40		40		40	1
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp	100	18	70		70	
5	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	Cao đẳng	40	40	40	28	40	41
		Trung cấp	60	85	60	57	60	43
6	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	60	34	60	34	60	39
		Trung cấp	195	538	230	452	230	354
7	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Cao đẳng	80					
		Trung cấp						
8	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Cao đẳng						
			30		30		30	
10	Kế toán doanh	Cao đẳng	30	80	30	83	30	56

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
	nghề nghiệp	Trung cấp	40	94	40	56	40	70
		Sơ cấp	60		60		60	1
10	Khoan thăm dò địa chất	Cao đẳng						
		Trung cấp	30		30		30	
		Sơ cấp	20	65	20		20	2
11	Khai thác mỏ	Sơ cấp	200	28	200		200	17
12	Tiện	Sơ cấp	40	1	40		40	
13	Tin học ứng dụng	Trung cấp	25	46	25	88	25	83
		Cao đẳng						
14	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	25		25	12	25	
		Trung cấp	155	397	95	220	95	169
		Sơ cấp	25		25		25	
15	Tiếng Hàn Quốc	Cao đẳng	30		30		30	
16	Phiên dịch tiếng Nhật kinh tế, thương mại	Cao đẳng	100	149	100	163	100	204
17	Nghiệp vụ lưu trú	Sơ cấp	40					
18	Nghiệp vụ nhà hàng	Sơ cấp	40					

STT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
19	Tin học văn phòng	Sơ cấp	25	1	25		25	4
20	Trắc địa - Địa chính	Sơ cấp	40		40		40	2
21	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	25					
		Trung cấp	50	162	50	125	50	84
		Sơ cấp	40					

* **Quy mô tuyển sinh:** Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề.

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng- m ²)	18682	18682	18682
- Khu hiệu bộ	1000	1000	1000
- Phòng học lý thuyết	4346	4346	4346
- Xưởng thực hành	4246	4246	4246
- Khu phục vụ	9090	9090	9090
+ <i>Thư viện</i>	360	360	360

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
+ Ký túc xá	2950	2950	2950
+ Nhà ăn	400	400	400
+ Trạm y tế	80	80	80
+ Khu thể thao	5000	5000	5000
- Hội trường - giảng đường	300	300	300
2. Tổng số đầu sách của trường	7456	7456	7456
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	3298	3298	3298
3. Tổng số máy tính của trường	276	276	276
- Dùng cho văn phòng	46	46	46
- Dùng cho học sinh học tập	230	230	230
4. Tổng nguồn kinh phí của trường	23.824.715.042	30.000.000.000	
5. Tổng thu học phí	1.528.465.0000	1.700.000.000	
6. Tổng kinh phí quyết toán	18.604.226.000	19.393.024.800	Chưa quyết toán

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTĐ&XH ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp

1.2. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đánh giá chất lượng đào tạo của nghề Công nghệ ô tô , trình độ trung cấp, qua đó xác định mức độ thực hiện mục tiêu và nội dung chương trình để nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Tự đánh giá là một quá trình liên tục, đòi hỏi nhiều công sức, thời gian, phải có sự tham gia của nhiều đơn vị và cá nhân trong toàn trường. Hoạt động tự đánh giá đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phải dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy, phù hợp với nội hàm từng tiêu chuẩn.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

Phương pháp tự đánh giá của Trường được thực hiện theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. Hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện tự đánh giá; tổ chức tập huấn cho tất cả các thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn, đánh giá từng tiêu chuẩn. Mỗi đơn vị trong toàn trường (bao gồm các phòng, khoa, trung tâm) đã cử các cán bộ tham gia các nhóm công tác chuyên trách.

Các minh chứng thu thập từ các Phòng, Khoa được mã hoá theo qui định của từng tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng. Khoa Công nghệ ô tô tổng hợp kết quả từ các báo cáo của các đơn vị cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự đánh giá. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng tự đánh giá xem xét. Hội đồng tự đánh giá trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi trường các đơn vị. Tổ chức hội nghị toàn thể cán bộ viên chức nhà trường lấy ý kiến đóng góp cho báo cáo tự đánh giá. Khoa Công nghệ ô tô thu thập tất cả các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá lần cuối, trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp báo cáo cho Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/2017/TT-LĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt</i>
	Tổng điểm	100	95
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7,5	7,5
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và nhu cầu của thị trường lao động.	2,5	2,5
1.2	Tiêu chuẩn 2: Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ GDNN, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.	2,5	2,5
1.3	Tiêu chuẩn 3: CĐR của CTĐT được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong GDNN.	2,5	2,5
2	Tiêu chí 2 - Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình	17,5	17,5
2.1	Tiêu chuẩn 1: CTĐT có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.	2,5	2,5

2.2	Tiêu chuẩn 2: Nội dung CTĐT đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.3	Tiêu chuẩn 3: CTĐT được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được CĐR. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được CĐR của CTĐT.	2,5	2,5
2.4	Tiêu chuẩn 4: CTĐT được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.	2,5	2,5
2.5	Tiêu chuẩn 5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô-đun, môn học của CTĐT.	2,5	2,5
2.6	Tiêu chuẩn 6: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong CTĐT, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.	2,5	2,5
2.7	Tiêu chuẩn 7: Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của CTĐT.	2,5	2,5
3	Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo	17,5	17,5
3.1	Tiêu chuẩn 1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2,5	2,5
3.2	Tiêu chuẩn 2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô-đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và CĐR của CTĐT.	2,5	2,5
3.3		2,5	2,5
3.4	Tiêu chuẩn 3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ	2,5	2,5

	năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.		
3.5	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.	2,5	2,5
3.6	Tiêu chuẩn 6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với CDR của CTĐT và các mục tiêu dạy và học.	2,5	2,5
3.7	Tiêu chuẩn 7: Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.	2,5	2,5
4	Tiêu chí 4 - Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động	15	15
4.1	Tiêu chuẩn 1: Đội ngũ nhà giáo (NG) tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu CTĐT và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.	2,5	2,5
4.2	Tiêu chuẩn 2: Đội ngũ NG được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc CTĐT có đủ NG giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.	2,5	2,5
4.3	Tiêu chuẩn 3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ NG bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện CTĐT. NG tích cực tham gia NCKH, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.	2,5	2,5
4.4	Tiêu chuẩn 4: Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của NG được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. NG định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của CTĐT.	2,5	2,5
4.5	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ CBQL, VC, NLĐ của khoa hoặc bộ môn triển khai CTĐT đáp ứng yêu cầu về trình độ	2,5	2,5

	chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai CTĐT; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.		
4.6	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ NG, CBQL, VC, NLD của khoa hoặc bộ môn triển khai CTĐT được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với NG, CBQL có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của CTĐT.	2,5	2,5
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu	10	10
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.	2,5	2,5
5.2	Tiêu chuẩn 2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện CTĐT.	0	0
5.3	Tiêu chuẩn 3: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.	2,5	2,5
5.4	Tiêu chuẩn 4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu (NVL). NVL được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.	2,5	2,5
5.5	Tiêu chuẩn 5: Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về CNTT trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của NG, CBQL, VC, NLD, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện CTĐT	2,5	2,5
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào	0	0

	tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của CTĐT.		
6	Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học	10	10
6.1	Tiêu chuẩn 1: Các thông tin về ngành, nghề, CTĐT, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.	2,5	2,5
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	2,5	2,5
6.3	Tiêu chuẩn 3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, NCKH, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.	2,5	2,5
6.4	Tiêu chuẩn 6.4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.	2,5	2,5
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	17,5	17,5
7.1	Tiêu chuẩn 1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành CTĐT được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
7.2	Tiêu chuẩn 2: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.	2,5	2,5
7.3	Tiêu chuẩn 3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT.	2,5	2,5

7.4	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.5	Tiêu chuẩn 5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.6	Tiêu chuẩn 6: Dữ liệu về mức độ đạt CĐR của người học CTĐT được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.	2,5	2,5
7.7	Tiêu chuẩn 7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.	2,5	2,5

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

Tiêu chí 1 - Mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

* Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

1. Khái quát chung

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành *Công nghệ ô tô* được ban hành theo Quyết định số 154/QĐ-CĐCN&TM ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng, được xây dựng trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam và định hướng phát triển của trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại.

Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra (CĐR) được xác định rõ ràng, thể hiện năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực số và khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại.

CTĐT được xây dựng có sự tham gia của các bên liên quan như doanh nghiệp, chuyên gia và nhà giáo; được rà soát, cập nhật định kỳ để đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số.

2. Những điểm mạnh

- Mục tiêu đào tạo cụ thể, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Chuẩn đầu ra được xây dựng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, tích hợp năng lực số, kỹ năng mềm, thái độ nghề nghiệp và khả năng tự học suốt đời.
- CĐR được công bố công khai trên website của trường (<https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra>), đảm bảo tính minh bạch và khả năng tiếp cận cho người học, nhà tuyển dụng và xã hội.
- Quy trình xây dựng, rà soát và phê duyệt CĐR được ban hành, có sự tham gia của các bên liên quan (doanh nghiệp, chuyên gia ngành nghề), thể hiện rõ mối liên kết giữa nhà trường và thị trường lao động.
- CĐR được tích hợp các năng lực số cơ bản, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số trong lĩnh vực cơ khí (Cơ khí ô tô) và giáo dục nghề nghiệp.

3. Những tồn tại

- Một số nội dung về năng lực số và kỹ năng mềm chưa được cụ thể hóa trong tất cả các mô-đun, môn học.
- Việc khảo sát ý kiến doanh nghiệp và cựu HSSV về mức độ đáp ứng CĐR còn hạn chế về quy mô, chưa được định kỳ hằng năm.
- Công tác phổ biến và hướng dẫn triển khai CĐR đến toàn thể nhà giáo còn thiếu sự thống nhất giữa các bộ môn.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tiếp tục hoàn thiện và cập nhật CDR theo hướng cụ thể hóa các năng lực số, kỹ năng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và khả năng thích ứng với công nghệ mới.
- Mở rộng khảo sát và lấy ý kiến thường xuyên từ doanh nghiệp, cựu HSSV, chuyên gia để điều chỉnh, cải tiến CDR và CTĐT.
- Tăng cường tập huấn, hướng dẫn nhà giáo về việc triển khai dạy học và đánh giá theo CDR.
- Đưa hoạt động rà soát CDR vào quy trình đảm bảo chất lượng nội bộ, thực hiện định kỳ hằng năm.

*** Điểm đánh giá tiêu chí 1**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	7,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo (CTĐT) được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của trường, mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và nhu cầu của thị trường lao động

Mô tả, phân tích và nhận định: Chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô , trình độ trung cấp của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được xây dựng và ban hành theo Quyết định số 154/QĐ-CĐCN&TM ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng. Mục tiêu của chương trình được xác định rõ ràng, gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể (về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ – trách nhiệm và khả năng học tập nâng cao), đảm bảo phù hợp với sứ mạng của nhà trường là “Đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật có trình độ, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, có năng lực sáng tạo và thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương và quốc gia”.

Mục tiêu CTĐT được thiết kế theo định hướng ứng dụng và thực hành, gắn với Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 4) và mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014, bảo đảm người học sau khi tốt nghiệp có năng lực hành nghề độc lập, khả năng thích ứng với sự thay đổi của công nghệ, đồng thời có cơ hội học tập suốt đời.

Quá trình xây dựng CTĐT được thực hiện theo quy trình đảm bảo chất lượng nội bộ, có sự tham gia của ban chủ nhiệm chương trình, các giảng viên, chuyên gia, doanh nghiệp sử dụng lao động thông qua các hội thảo, khảo sát nhu cầu thị trường lao động và góp ý về chương trình. Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu tuyển dụng lao động trong lĩnh vực công nghệ ô tô

tăng ổn định, đặc biệt ở các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trước đây và Phú Thọ hiện nay, tạo cơ sở thực tiễn cho việc xác định mục tiêu và định hướng chương trình.

Mục tiêu chương trình được rà soát định kỳ 3 năm/lần, cập nhật phù hợp với chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021–2025, đảm bảo tính kế thừa và phát triển. Các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức nghề được thiết kế theo nguyên tắc đảm bảo tính đo lường và đánh giá được, đồng thời phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp cơ khí hiện nay.

Các minh chứng cho thấy CTĐT được xây dựng khoa học, có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc, đảm bảo tính thống nhất giữa mục tiêu – chuẩn đầu ra – nội dung đào tạo – phương pháp và hình thức đánh giá (1.1.01. Quyết định ban hành chương trình đào tạo của Hiệu trưởng; 1.1.02. Chương trình đào tạo; 1.1.03. Báo cáo khảo sát nhu cầu thị trường lao động; 1.1.04. Biên bản hội thảo/lấy ý kiến về CTĐT).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 2: Chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT được xác định rõ ràng, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ GDNN, yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, nhu cầu của người học, đơn vị sử dụng lao động, các bên liên quan khác và được công bố công khai.

Mô tả, phân tích và nhận định: Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp, được xây dựng dựa trên Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 4 ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời phù hợp với mục tiêu đào tạo, yêu cầu ngành nghề và sứ mạng của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại.

CĐR của chương trình được xác định rõ ràng, cụ thể cho từng nhóm năng lực: Kiến thức chuyên môn và cơ sở ngành, Kỹ năng nghề nghiệp, Năng lực tự chủ và trách nhiệm, Phẩm chất nghề nghiệp và thái độ làm việc, đảm bảo phản ánh đúng năng lực cần đạt của người học sau khi hoàn thành chương trình, có thể hành nghề độc lập đảm nhận nhiệm vụ như bảo dưỡng, sửa chữa; chế tạo, sản xuất; quản lý, kinh doanh; đào tạo trong lĩnh vực ô tô và xe - máy chuyên dùng.

CĐR được xây dựng dựa trên thông tư 45/2018/TT-BLĐTBXH Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các ngành, nghề thuộc lĩnh vực công nghệ kỹ thuật kiến trúc, công trình xây dựng, cơ khí, điện, điện tử, truyền thông và hóa học để áp dụng đối với các trường trung cấp, trường cao đẳng, có sự tham gia của doanh nghiệp, cơ quan quản lý và giảng viên chuyên ngành cơ khí ô tô. Các ý kiến góp ý được tổng hợp và điều chỉnh để hoàn thiện CĐR.

Kết quả khảo sát phản hồi của đơn vị sử dụng lao động và cựu học sinh – sinh viên cho thấy CDR của chương trình đáp ứng tốt yêu cầu thực tế nghề nghiệp; Người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận nhiệm vụ như bảo dưỡng, sửa chữa; chế tạo, sản xuất; quản lý, kinh doanh; đào tạo trong lĩnh vực ô tô và xe - máy chuyên dùng; có khả năng ứng dụng công nghệ mới. Các năng lực mềm như làm việc nhóm, giao tiếp nghề nghiệp, an toàn lao động cũng được chú trọng trong chương trình.

CDR được công bố công khai trên website chính thức của trường (<https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra>), đảm bảo tính minh bạch và khả năng tiếp cận của người học, giảng viên và các bên liên quan.

Nhà trường thực hiện rà soát, cập nhật CDR định kỳ 3 năm/lần cùng với việc rà soát, cập nhật CTĐT hoặc khi có thay đổi về khung chương trình, nhu cầu xã hội, yêu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo tính phù hợp và hiện đại của chương trình. CDR được đối sánh với chuẩn đầu ra của một số chương trình tương đương tại các trường cao đẳng có uy tín nhằm đảm bảo tính hội nhập, khả năng công nhận tín chỉ và học tiếp lên các trình độ cao hơn (1.2.01. Chuẩn đầu ra của CTĐT nghề Công nghệ ô tô ; 1.2.02. Biên bản họp hội đồng xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra; 1.2.03. Phiếu khảo sát và báo cáo tổng hợp ý kiến đơn vị sử dụng lao động; 1.2.04. Kế hoạch và báo cáo rà soát cập nhật CDR; 1.2.05. Website công bố CDR CTĐT: <https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra>)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 1: 2,5 điểm

Tiêu chuẩn 3: CDR của CTĐT được tích hợp năng lực số cho phù hợp với yêu cầu của chuyển đổi số trong GDNN

Mô tả, phân tích và nhận định: Căn cứ định hướng chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 2222/QĐ-LĐTĐ ngày 30/12/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đã tích hợp các năng lực số vào CDR của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô , trình độ trung cấp, nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động thời kỳ công nghiệp 4.0.

Các năng lực số được tích hợp bao gồm: Sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm tra cứu về các thông số kỹ thuật sửa chữa ô tô; các phần mềm chẩn đoán ô tô; Khai thác thông tin và tài nguyên học tập số, sử dụng các nền tảng học trực tuyến và kho học liệu điện tử của trường để phục vụ học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp; Tuân thủ các quy tắc an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu trong môi trường làm việc số và học tập trực tuyến.

Nhà trường đã tiến hành rà soát, cập nhật và điều chỉnh CDR của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô theo hướng tích hợp năng lực số, đảm bảo phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, cũng như yêu cầu thực tế từ doanh nghiệp cơ khí, công nghiệp hỗ trợ và tự động hóa. Việc tích hợp này được thực hiện thông qua các buổi

hội thảo xin ý kiến chuyên gia, đơn vị sử dụng lao động và nhà giáo có kinh nghiệm; đồng thời cập nhật nội dung liên quan trong các mô đun đào tạo như: Bảo dưỡng- sửa chữa trang bị điện ô tô; Bảo dưỡng – sửa chữa hộp số tự động; bảo dưỡng- sửa chữa hệ thống phanh ABS; Bảo dưỡng- sửa chữa Hệ thống phun nhiên liệu Diesel điều khiển điện tử; Kiểm tra và hiệu chỉnh động cơ.

Kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp và cựu học sinh, sinh viên cho thấy trên 85% đánh giá CDR của chương trình có tính thực tiễn, phù hợp với yêu cầu làm việc trong môi trường sản xuất số hóa, đặc biệt là khả năng sử dụng phần mềm thiết kế, mô phỏng và điều khiển tự động. Nhà trường đã công bố công khai CDR tích hợp năng lực số trên website (<https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra>), đồng thời triển khai cho giảng viên giảng dạy, đánh giá năng lực số của người học trong quá trình đào tạo.

Việc tích hợp năng lực số trong CDR đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, khả năng thích ứng công nghệ và năng lực làm việc của người học trong môi trường sản xuất thông minh. Tuy nhiên, nhà trường cần tăng cường đầu tư hạ tầng số, học liệu điện tử và thiết bị mô phỏng, đồng thời duy trì cơ chế cập nhật định kỳ chuẩn đầu ra để bắt kịp xu hướng chuyển đổi số của ngành Công nghệ ô tô (1.3.01. Chuẩn đầu ra CTĐT nghề Công nghệ ô tô có tích hợp năng lực số; 1.3.02. Biên bản họp/biên bản hội thảo rà soát, điều chỉnh, tích hợp năng lực số vào CDR CTĐT; 1.3.03. Báo cáo kết quả rà soát, cập nhật CDR CTĐT theo hướng tích hợp năng lực số; 1.2.05. Website công bố CDR CTĐT: <https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra>)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 2,5 điểm

Tiêu chí 2 - Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí 2**

1. Khái quát chung

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Công nghệ ô tô được thiết kế theo hướng tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực thực hành, bảo đảm tính logic, linh hoạt và phù hợp với mục tiêu đào tạo.

CTĐT được xây dựng trên cơ sở Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Khung chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, có tham khảo chương trình của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiên tiến.

Nội dung CTĐT được rà soát, điều chỉnh, cập nhật thường xuyên nhằm đáp ứng sự phát triển của khoa học – công nghệ, yêu cầu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động.

Giáo trình được biên soạn, lựa chọn, thẩm định và ban hành đầy đủ cho các mô-đun, môn học thuộc CTĐT; đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn và khả năng ứng dụng. Giáo trình

được cập nhật định kỳ, đáp ứng sự đổi mới chương trình, công nghệ và phương pháp dạy học hiện đại.

2. Những điểm mạnh

- CTĐT được thiết kế có cấu trúc hợp lý, kết hợp hài hòa giữa các mô-đun kiến thức cơ bản, cơ sở và chuyên ngành; đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo.
- Nội dung chương trình được xây dựng gắn với nhu cầu thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp và định hướng phát triển của ngành, địa phương.
- Quy trình rà soát, cập nhật và cải tiến CTĐT được thực hiện định kỳ; có hồ sơ minh chứng rõ ràng (biên bản họp khoa, hội thảo lấy ý kiến doanh nghiệp, quyết định phê duyệt, hồ sơ thẩm định).
- Toàn bộ giáo trình được thẩm định, ban hành đúng quy định, được rà soát cập nhật kịp thời theo yêu cầu đổi mới công nghệ và chương trình.
- Giáo trình cụ thể hóa các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, phù hợp với CDR của CTĐT; hỗ trợ hiệu quả cho phương pháp dạy học tích cực.
- Việc rà soát, đánh giá và cập nhật giáo trình được tiến hành định kỳ, có sự tham gia của các nhà giáo, cán bộ quản lý và chuyên gia kỹ thuật từ doanh nghiệp.

3. Những tồn tại

- Một số mô-đun chuyên ngành cần được cập nhật sâu hơn để phản ánh các công nghệ mới trong lĩnh vực cơ khí ô tô, đặc biệt là tự động hóa và điều khiển số.
- Một số giáo trình được biên soạn từ trước năm 2022 cần được rà soát, chỉnh sửa về bố cục, hình ảnh minh họa và phần hướng dẫn thực hành để phù hợp hơn với thực tế sản xuất hiện nay.
- Sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình rà soát CTĐT và giáo trình tuy có nhưng chưa thường xuyên và chưa có cơ chế phản hồi cụ thể sau mỗi lần khảo sát.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tiếp tục cập nhật CTĐT theo hướng tăng cường nội dung về công nghệ hiện đại, năng lượng xanh và kỹ thuật số trong lĩnh vực cơ khí ô tô.
- Tăng cường hoạt động phối hợp với doanh nghiệp, hiệp hội nghề nghiệp trong việc rà soát, thẩm định và cập nhật CTĐT, giáo trình.
- Hoàn thiện hệ thống minh chứng, hồ sơ rà soát – cập nhật giáo trình theo chu kỳ hằng năm, bảo đảm minh bạch và truy xuất được.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong biên soạn, lưu trữ và chia sẻ giáo trình điện tử phục vụ giảng dạy và học tập.

* Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5
Tiêu chuẩn 7	2,5

Tiêu chuẩn 1: CTĐT có đầy đủ thông tin, cấu trúc logic, có tính linh hoạt và được cập nhật, phê duyệt, ban hành.

Mô tả, phân tích và nhận định: Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được xây dựng theo đúng quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và Thông tư 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/2/2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng. CTĐT hiện hành được ban hành theo Quyết định số 154/QĐ-CĐCN&TM ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng, có đầy đủ thông tin về mục tiêu, chuẩn đầu ra, khối lượng kiến thức, kỹ năng, thời gian, phương pháp đào tạo, nội dung các mô đun, môn học, điều kiện thực hiện và tiêu chí đánh giá kết quả học tập.

Cấu trúc chương trình được thiết kế logic, liên thông giữa các mô đun/môn học từ cơ bản đến chuyên sâu, bảo đảm tính hệ thống và phát triển năng lực nghề nghiệp cho người học. Các mô đun nghề được sắp xếp theo chuỗi năng lực thực hiện công việc thực tế tại doanh nghiệp, đồng thời kết hợp linh hoạt giữa lý thuyết, thực hành, rèn luyện kỹ năng nghề, an toàn lao động và năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất cơ khí ô tô.

CTĐT có tính linh hoạt và mở, cho phép người học được công nhận, tích lũy và chuyển đổi tín chỉ hoặc mô đun đào tạo giữa các chương trình, trình độ hoặc cơ sở đào tạo khác theo quy định của Bộ LĐ-TBXH. Ngoài ra, chương trình còn tích hợp các nội dung về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, kỹ năng mềm và năng lực số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực cơ khí ô tô.

Nhà trường thực hiện quy trình rà soát, cập nhật CTĐT định kỳ 3 năm/lần, có sự tham gia của các bên liên quan gồm nhà giáo, chuyên gia, doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động. Kết quả rà soát được tổng hợp trong Biên bản họp Hội đồng đánh giá chương trình đào tạo và được phê duyệt chính thức bởi Hiệu trưởng trước khi ban hành. CTĐT được công bố công khai

trên website của trường (<https://coit.edu.vn>) để đảm bảo tính minh bạch và thuận tiện cho người học, nhà tuyển dụng, cũng như các bên quan tâm.

Việc xây dựng và cập nhật chương trình được tổ chức, giám sát và thẩm định đánh giá nghiêm túc, bảo đảm tuân thủ các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của ngành Công nghệ ô tô hiện đại và thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập, tự động hóa và chuyển đổi số (2.1.01. Quyết định số 154/QĐ-CĐCN&TM ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng ban hành CTĐT nghề Công nghệ ô tô ; 2.1.02. Biên bản họp Hội đồng rà soát, thẩm định CTĐT; 2.1.03. Báo cáo rà soát, cập nhật CTĐT; 2.1.04. Công bố CTĐT trên website trường <https://coit.edu.vn>).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Nội dung CTĐT đáp ứng sự thay đổi của khoa học, công nghệ, yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nhu cầu của thị trường lao động hoặc của ngành, địa phương.

Mô tả, phân tích và nhận định: Chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được xây dựng, rà soát và cập nhật định kỳ nhằm bảo đảm nội dung đào tạo luôn phù hợp với sự phát triển của khoa học – công nghệ, xu hướng sản xuất hiện đại, và nhu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế.

Cấu trúc chương trình được thiết kế theo hướng phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp, gắn kết chặt chẽ giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành: Đọc được bản vẽ kỹ thuật về kết cấu của các chi tiết, bộ phận trong ô tô, các sơ đồ mạch điện và mạch tín hiệu điều khiển; đọc được các ký hiệu phân loại của các linh kiện, chi tiết, bộ phận trên ô tô; tra cứu được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô; Lựa chọn đúng, sử dụng thành thạo và bảo dưỡng, bảo quản được các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong ngành, nghề Công nghệ ô tô; Chẩn đoán và phát hiện chính xác và đầy đủ các sai hỏng trong các cụm chi tiết, các hệ thống của ô tô đã được đưa vào giảng dạy, thể hiện rõ định hướng cập nhật công nghệ và hội nhập.

Nhà trường thường xuyên tổ chức khảo sát nhu cầu nhân lực, lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, cựu sinh viên và đơn vị sử dụng lao động về mức độ phù hợp của nội dung chương trình. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và làm căn cứ điều chỉnh nội dung, thời lượng các mô đun, bổ sung kỹ năng mềm và năng lực khởi nghiệp cho người học. Bên cạnh đó, các biên bản hội thảo, góp ý CTĐT từ doanh nghiệp, chuyên gia và nhà giáo được lưu trữ đầy đủ, phản ánh quá trình cải tiến chương trình một cách khách quan, thực tiễn.

Hoạt động rà soát, cải tiến CTĐT được thực hiện định kỳ hằng năm bởi Hội đồng rà soát, chỉnh sửa CTĐT do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Quy trình này được quy định cụ thể trong các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường, bảo đảm mỗi lần rà soát đều có căn

cứ khoa học, phản ánh được sự thay đổi của thị trường và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật. Các báo cáo rà soát đều chỉ rõ những mô-đun cần điều chỉnh, cập nhật nội dung công nghệ mới, như robot công nghiệp, công nghệ hàn tự động, quản lý sản xuất bằng phần mềm, và các mô-đun hỗ trợ ứng dụng năng lượng xanh, tiết kiệm năng lượng.

Ngoài ra, Báo cáo tổng kết năm học và Báo cáo khảo sát doanh nghiệp cho thấy tỷ lệ người học tốt nghiệp được doanh nghiệp đánh giá cao về kỹ năng thực hành và khả năng thích ứng công nghệ. Điều này khẳng định tính cập nhật và phù hợp của nội dung chương trình đào tạo (2.2.01. *Quyết định thành lập Hội đồng rà soát, chỉnh sửa CTĐT nghề Công nghệ ô tô* ; 2.2.02. *Biên bản hội thảo, góp ý CTĐT với doanh nghiệp và chuyên gia*; 2.2.03. *Báo cáo rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của nội dung CTĐT*; 2.2.04. *Phiếu khảo sát doanh nghiệp, người học và các bên liên quan*; 2.2.05. *Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường liên quan đến cập nhật CTĐT*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3: *CTĐT được thiết kế và phát triển dựa trên nhu cầu và phản hồi của các bên liên quan, bảo đảm đạt được CĐR. Mỗi môn học, mô-đun phải thể hiện vị trí, vai trò và tiến trình đạt được CĐR của CTĐT.*

Mô tả, phân tích và nhận định: Chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại xây dựng, thiết kế trên cơ sở chuẩn đầu ra (CĐR) đã ban hành, đồng thời dựa vào kết quả khảo sát, thu thập phản hồi của doanh nghiệp, cựu sinh viên, người học và nhà giáo nhằm bảo đảm chương trình thực sự phù hợp với nhu cầu nhân lực của ngành Công nghệ ô tô hiện nay. Quá trình xây dựng, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT tuân thủ quy trình đảm bảo chất lượng nội bộ của trường, có sự tham gia của các chuyên gia, đại diện doanh nghiệp, nhà giáo có kinh nghiệm và cán bộ quản lý đào tạo.

Cấu trúc chương trình được phân bổ hợp lý giữa các khối kiến thức chung, cơ sở và chuyên ngành, trong đó mỗi mô-đun được thiết kế theo hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cụ thể, gắn với từng nhóm CĐR. Mỗi mô-đun, môn học đều có mô tả vị trí, vai trò, mục tiêu, nội dung chính và mối liên hệ với các năng lực đầu ra, thể hiện rõ tiến trình đạt chuẩn đầu ra của người học. Các ma trận liên kết giữa mô-đun – chuẩn đầu ra (ma trận CĐR) được xây dựng đầy đủ, qua đó xác định rõ đóng góp của từng mô-đun vào việc hình thành kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp của sinh viên.

Nhà trường thường xuyên rà soát, điều chỉnh cấu trúc và nội dung chương trình dựa trên phản hồi thực tế từ doanh nghiệp và người học. Kết quả khảo sát doanh nghiệp cho thấy, kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc nhóm, khả năng vận hành thiết bị hiện đại của sinh viên ngành công nghệ ô tô là những năng lực cần được tăng cường.

Công tác thẩm định, đánh giá chương trình đào tạo được thực hiện thông qua các hội đồng, có biên bản và phiếu nhận xét của các chuyên gia, doanh nghiệp. Hồ sơ thẩm định thể hiện rõ các đề xuất điều chỉnh, ví dụ: tăng thời lượng thực tập tại doanh nghiệp, cập nhật công nghệ xe ô tô điện (trong mô đun Nhập môn ngành ô tô), tăng thời lượng thực hành mô đun Bảo dưỡng – sửa chữa Trang bị điện ô tô. Các góp ý này đã được trường tiếp thu, hoàn thiện CTĐT trước khi ban hành chính thức theo Quyết định số 154/QĐ-CĐCN&TM ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng.

Nhìn chung, CTĐT được thiết kế khoa học, logic, có sự tham gia của các bên liên quan, phản ánh yêu cầu nghề nghiệp thực tế và định hướng phát triển bền vững của ngành cơ khí ô tô. Việc mô tả rõ ràng vai trò của từng mô-đun trong việc đạt chuẩn đầu ra giúp nhà trường, nhà giáo và người học dễ dàng theo dõi tiến trình học tập và đảm bảo chất lượng kết quả đầu ra (2.3.01. *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT*; 2.3.02. *Biên bản họp khoa, biên bản hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan*; 2.3.03. *Ma trận liên kết mô-đun – chuẩn đầu ra CTĐT*; 2.3.04. *Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát phản hồi của doanh nghiệp, cựu sinh viên và người học*; 1.1.01. *Quyết định ban hành CTĐT nghề Công nghệ ô tô*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4: *CTĐT được định kỳ rà soát, đánh giá, cập nhật và cải tiến để đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của ngành, địa phương.*

Mô tả, phân tích và nhận định: Công tác rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo (CTĐT) nghề *Công nghệ ô tô* được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thực hiện thường xuyên theo chu kỳ hằng năm và định kỳ 3 năm/lần theo quy định trong hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ. Mục tiêu của hoạt động này là bảo đảm CTĐT luôn cập nhật, phù hợp với yêu cầu của khoa học – công nghệ, thị trường lao động và định hướng phát triển của địa phương cũng như của ngành công nghiệp cơ khí ô tô.

Hằng năm, phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn, doanh nghiệp, nhà giáo và người học tổ chức khảo sát nhu cầu thực tế, phản hồi về nội dung CTĐT. Kết quả khảo sát được tổng hợp và báo cáo Hội đồng rà soát CTĐT. Hội đồng này có trách nhiệm phân tích tính cập nhật, phù hợp của chương trình trên cơ sở các văn bản mới của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, xu hướng phát triển ngành nghề, công nghệ mới và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

Quá trình rà soát, cải tiến CTĐT được thực hiện theo quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường, với đầy đủ các bước: lập kế hoạch, tổ chức họp, thu thập và xử lý thông tin phản hồi, xây dựng báo cáo kết quả rà soát và đề xuất điều chỉnh. Mỗi kỳ rà soát đều có biên bản họp, báo cáo tổng hợp, phiếu đánh giá nội dung chương trình và đề xuất thay đổi cụ thể.

Trong lần rà soát năm 2024–2025, Hội đồng đã tiếp thu ý kiến của doanh nghiệp về việc cập nhật công nghệ xe ô tô điện (trong mô đun Nhập môn ngành ô tô), tăng thời lượng thực hành mô đun Bảo dưỡng – sửa chữa Trang bị điện ô tô. Những thay đổi này giúp người học nắm vững công nghệ mới và tăng khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp thực tế.

Ngoài ra, nhà trường còn triển khai đối sánh chương trình đào tạo với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chương trình của các cơ sở đào tạo tiên tiến trong nước nhằm bảo đảm tính tương thích, liên thông và khả năng hội nhập. Các kết quả rà soát, đánh giá, đề xuất điều chỉnh đều được thể hiện trong hồ sơ cải tiến CTĐT và là cơ sở để ban hành chương trình mới theo Quyết định số 154/QĐ-CĐCN&TM ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng.

Nhìn chung, CTĐT nghề Công nghệ ô tô được rà soát và cải tiến định kỳ, có quy trình rõ ràng, có sự tham gia của các bên liên quan, thể hiện tính khoa học, khách quan và hiệu quả trong công tác đảm bảo chất lượng. Sự cập nhật kịp thời các nội dung, công nghệ mới trong ngành công nghệ ô tô giúp chương trình luôn đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương (2.4.01. Kế hoạch rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT các năm; 2.4.02. Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT; 2.4.03. Biên bản họp Hội đồng rà soát, cập nhật CTĐT; 2.4.04. Phiếu thu thập và tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về mức độ phù hợp của CTĐT; 1.1.01. Quyết định ban hành CTĐT nghề Công nghệ ô tô).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành đủ cho các mô đun, môn học của CTĐT.

Mô tả, phân tích và nhận định: Công tác biên soạn, lựa chọn, thẩm định và ban hành giáo trình đối với chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thực hiện nghiêm túc, tuân thủ quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đồng thời bảo đảm tính đồng bộ, đầy đủ cho tất cả các mô-đun, môn học trong chương trình.

Nhà trường đã ban hành quy trình đảm bảo chất lượng về việc lựa chọn, biên soạn, chỉnh sửa và thẩm định giáo trình. Quy trình quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các khoa, bộ môn, phòng quản lý đào tạo và Hội đồng thẩm định giáo trình, bảo đảm giáo trình được xây dựng trên cơ sở chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo của từng mô-đun. Hằng năm, Khoa Công nghệ ô tô rà soát lại danh mục giáo trình hiện hành để đề xuất biên soạn mới, chỉnh sửa, lựa chọn bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với yêu cầu thực tế và tiến bộ khoa học – công nghệ trong lĩnh vực cơ khí ô tô.

Các kế hoạch và quyết định về biên soạn, thẩm định giáo trình được Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai theo đúng tiến độ. Nhà trường thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình cho

từng mô-đun, gồm các chuyên gia trong trường, cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp và giảng viên có kinh nghiệm chuyên môn. Mỗi giáo trình được xem xét kỹ lưỡng về tính cập nhật, tính sư phạm, tính thực tiễn và khả năng áp dụng trong giảng dạy. Kết quả thẩm định được thể hiện qua phiếu nhận xét, biên bản họp hội đồng và báo cáo tổng hợp kết quả thẩm định.

Sau khi được thẩm định, các giáo trình đạt yêu cầu được ban hành theo quyết định của Hiệu trưởng và được lưu trữ tại thư viện trường, phòng đào tạo, khoa chuyên môn và trên hệ thống học liệu điện tử của trường. Đến năm 2025, 100% mô-đun, môn học trong CTĐT nghề Công nghệ ô tô đã có giáo trình được thẩm định, ban hành hợp lệ.

Nhà trường cũng tổ chức hội thảo góp ý giáo trình giữa giảng viên, doanh nghiệp và cựu học sinh nhằm đảm bảo giáo trình phản ánh đúng thực tế nghề nghiệp, góp phần nâng cao năng lực thực hành cho người học. Hệ thống thư viện và kho học liệu điện tử giúp giảng viên và người học dễ dàng truy cập, tra cứu, sử dụng giáo trình trong quá trình giảng dạy, học tập.

Tổng thể, công tác xây dựng và quản lý giáo trình tại trường được thực hiện bài bản, có quy trình rõ ràng, được cập nhật định kỳ và đảm bảo đáp ứng mục tiêu đào tạo, đồng thời phản ánh được sự gắn kết giữa cơ sở đào tạo và nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp Công nghệ ô tô (2.5.01. Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường; 2.5.02. Các kế hoạch, quyết định, hồ sơ, biên bản, phiếu nhận xét về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo; 2.5.03. Danh mục giáo trình các mô-đun, môn học của CTĐT; 2.5.04. Biên bản họp rà soát, đánh giá, cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 6: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong CTĐT, tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của ngành, nghề đào tạo.*

Mô tả, phân tích và nhận định: Công tác xây dựng, lựa chọn và sử dụng giáo trình cho chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được thực hiện trên nguyên tắc bám sát chuẩn đầu ra, đảm bảo yêu cầu kiến thức – kỹ năng của từng mô-đun, môn học và phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong lĩnh vực cơ khí ô tô.

Mỗi giáo trình được biên soạn với cấu trúc rõ ràng, gồm: mục tiêu, nội dung kiến thức – kỹ năng, phương pháp giảng dạy – học tập, phương pháp đánh giá kết quả học tập, tài liệu tham khảo và hướng dẫn sử dụng. Cấu trúc này giúp giáo viên dễ dàng xác định nội dung trọng tâm, phương pháp tổ chức hoạt động dạy học, đồng thời hỗ trợ người học tự nghiên cứu, tự rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

Các giáo trình hiện hành đều cụ thể hóa yêu cầu về năng lực thực hiện, được thiết kế theo hướng phát triển năng lực, trong đó chú trọng rèn luyện kỹ năng nghề, kỹ năng mềm và

năng lực số. Đa số các mô đun có nội dung gắn liền với quy trình công nghệ bảo dưỡng, sửa chữa thực tế. Điều này giúp học sinh, sinh viên (HSSV) có cơ hội vận dụng lý thuyết vào thực hành, tiếp cận công nghệ mới, qua đó hình thành kỹ năng nghề nghiệp một cách vững chắc.

Trong quá trình sử dụng, giáo trình còn được giảng viên chủ động tích hợp hình ảnh, video, mô phỏng 3D, bài giảng điện tử E-learning, giúp nâng cao tính trực quan và hiệu quả của hoạt động dạy học. Giáo trình vì thế không chỉ là tài liệu giảng dạy, mà còn là công cụ hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề – những năng lực cốt lõi được yêu cầu trong môi trường sản xuất công nghiệp hiện đại.

Hàng năm, các khoa chuyên môn đều tổ chức họp rà soát, đánh giá việc sử dụng giáo trình, ghi nhận các phản hồi từ giảng viên, HSSV và doanh nghiệp để có điều chỉnh phù hợp, bảo đảm nội dung luôn cập nhật và phù hợp với yêu cầu đào tạo.

Nhìn chung, giáo trình của CTĐT nghề Công nghệ ô tô đã thể hiện rõ sự cụ thể hóa chuẩn đầu ra, hỗ trợ tích cực cho việc đổi mới phương pháp giảng dạy, khuyến khích học viên chủ động, sáng tạo trong học tập, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và sự phát triển công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ ô tô (2.5.02. Các kế hoạch, quyết định, hồ sơ, biên bản, phiếu nhận xét về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo; 2.6.01. Kế hoạch và Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình; 2.6.02. Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật giáo trình giảng dạy; 2.6.03. Hình ảnh bài giảng điện tử, giao diện hệ thống E-learning).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 7: *Giáo trình định kỳ được rà soát, đánh giá và cập nhật theo quy định, đáp ứng sự đổi mới của CTĐT.*

Mô tả, phân tích và nhận định: Công tác rà soát, đánh giá và cập nhật giáo trình trong chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thực hiện định kỳ hằng năm và theo chu kỳ 3 năm/lần, nhằm bảo đảm tính phù hợp, cập nhật và gắn kết với yêu cầu đổi mới của CTĐT, sự phát triển khoa học – công nghệ và nhu cầu của thị trường lao động trong ngành cơ khí ô tô.

Nhà trường đã ban hành quy trình đảm bảo chất lượng về rà soát, cập nhật giáo trình; trong đó quy định cụ thể về thời điểm rà soát, thành phần hội đồng, cách thức thu thập thông tin phản hồi, xử lý kết quả đánh giá và ban hành phiên bản cập nhật. Căn cứ quy trình này, Khoa Công nghệ ô tô phối hợp với phòng Quản lý đào tạo, giảng viên và doanh nghiệp tổ chức hội thảo, khảo sát và đánh giá giáo trình đang sử dụng trong giảng dạy.

Nội dung rà soát tập trung vào việc xác định: Mức độ phù hợp của giáo trình với chuẩn đầu ra và nội dung chương trình sau khi được điều chỉnh; Mức độ cập nhật kiến thức, công

nghệ mới, quy trình sản xuất và thiết bị hiện đại trong ngành cơ khí ô tô; Tính logic, khoa học và khả năng hỗ trợ người học tiếp cận công nghệ thực tế trong các mô-đun nghề.

Kết quả rà soát được tổng hợp trong báo cáo đánh giá và biên bản họp hội đồng, làm căn cứ để chỉnh sửa, bổ sung nội dung giáo trình hoặc biên soạn lại nếu cần thiết. Trong giai đoạn 2023–2025, nhà trường đã tiến hành rà soát và cập nhật 100% giáo trình của CTĐT nghề Công nghệ ô tô. Điều chỉnh cấu trúc trình bày, bổ sung hình ảnh minh họa, quy trình thao tác chuẩn và bài tập thực hành nâng cao.

Kết quả rà soát cũng được công khai trong Báo cáo tổng kết năm học và hệ thống quản lý đào tạo, đồng thời phản hồi tới đội ngũ giảng viên để thực hiện ngay trong năm học kế tiếp. Nhà trường bảo đảm mỗi giáo trình sau khi cập nhật đều được thẩm định lại và ban hành chính thức, nhằm duy trì sự đồng bộ giữa nội dung chương trình và tài liệu giảng dạy.

Nhờ thực hiện thường xuyên, nghiêm túc hoạt động rà soát, đánh giá và cập nhật, giáo trình của CTĐT luôn đảm bảo tính hiện đại, thực tiễn và sư phạm, hỗ trợ hiệu quả việc giảng dạy theo phương pháp tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi công nghệ nhanh chóng của ngành Công nghệ ô tô (2.7.01. Kế hoạch và Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình; 2.7.02. Biên bản họp rà soát, đánh giá, cập nhật giáo trình giảng dạy; 2.7.03. Danh mục giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa giai đoạn 2023–2025; 2.5.01. Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 2,5 điểm.

Tiêu chí 3 - Hoạt động đào tạo

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí 3**

1. Khái quát chung

Hoạt động đào tạo của ngành *Công nghệ ô tô* được tổ chức theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt, bảo đảm đúng quy định về quy trình, nội dung, tiến độ, thời lượng và phương pháp đào tạo. Các phương pháp dạy học được nhà trường triển khai đa dạng, phù hợp với từng mô-đun, môn học và đặc thù nghề cơ khí ô tô.

Các hoạt động giảng dạy, học tập chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, khả năng tư duy sáng tạo, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề thực tiễn của người học. Việc phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo thực hành, thực tập được duy trì thường xuyên, góp phần gắn kết giữa nhà trường và thực tiễn sản xuất.

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, theo đúng quy chế đào tạo. Dữ liệu điểm, hồ sơ thi, kiểm tra, đánh giá được lưu trữ đầy đủ và được sử dụng làm cơ sở cho việc cải tiến phương pháp dạy – học.

2. Những điểm mạnh

- Hoạt động đào tạo tuân thủ kế hoạch và quy trình đào tạo của trường, bảo đảm sự nhất quán giữa chương trình, nội dung, phương pháp và đánh giá.
- Các phương pháp dạy học được giảng viên áp dụng linh hoạt: thuyết trình kết hợp tình huống, mô phỏng, thực hành tại xưởng và doanh nghiệp; góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và năng lực giải quyết vấn đề của người học.
- Việc tổ chức thực tập, thực tế tại doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên theo hợp đồng hợp tác, có hướng dẫn cụ thể và được đánh giá song song giữa nhà trường và đơn vị tiếp nhận thực tập.
- Công tác kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập được chuẩn hóa theo quy trình đảm bảo chất lượng (2.8.08) của trường; có ngân hàng đề thi, biên bản chấm thi, báo cáo phân tích kết quả học tập giúp giảng viên cải tiến phương pháp giảng dạy.
- Kết quả học tập và rèn luyện được phản hồi kịp thời đến người học, giúp họ điều chỉnh quá trình học tập và nâng cao năng lực bản thân.
- Tỷ lệ sinh viên tham gia học tập đầy đủ, tỷ lệ hoàn thành mô-đun, môn học cao, thể hiện tính nghiêm túc và hiệu quả trong quản lý đào tạo.

3. Những tồn tại

- Một số mô-đun thực hành vẫn còn phụ thuộc vào thiết bị truyền thống; việc ứng dụng công nghệ mô phỏng 3D, phần mềm hỗ trợ học nghề còn hạn chế.
- Việc đánh giá năng lực người học theo chuẩn đầu ra mới tích hợp năng lực số cần được tăng cường thêm minh chứng cụ thể.
- Sự tham gia của doanh nghiệp trong quá trình đánh giá kết quả thực hành, thực tập chưa đồng đều giữa các ngành nghề hoặc năm học.
- Một số hoạt động phản hồi sau kỳ thi, kiểm tra chưa được hệ thống hóa và lưu trữ đầy đủ dưới dạng dữ liệu phục vụ cải tiến lâu dài.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Cập nhật, bổ sung các phương pháp giảng dạy hiện đại, tăng cường sử dụng phần mềm mô phỏng và hệ thống đào tạo trực tuyến hỗ trợ đào tạo thực hành.
- Tổ chức các lớp tập huấn cho giảng viên về đánh giá năng lực người học theo chuẩn đầu ra tích hợp năng lực số và kỹ năng chuyển đổi số.
- Tiếp tục mở rộng hợp tác với doanh nghiệp trong việc hướng dẫn, đánh giá người học trong các giai đoạn thực tập, thực tế.
- Chuẩn hóa và số hóa hệ thống lưu trữ dữ liệu học tập, kiểm tra, đánh giá nhằm phục vụ phân tích, đối sánh và cải tiến chất lượng đào tạo.

* Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	17,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5
Tiêu chuẩn 7	2,5

Tiêu chuẩn 1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật. Các hoạt động tư vấn tuyển sinh giúp người học lựa chọn đúng ngành, nghề đào tạo, phát huy năng lực, sở trường của người học. Kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích và nhận định: Công tác tuyển sinh nghề Công nghệ ô tô được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại triển khai đúng quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với năng lực đào tạo, quy mô phát triển của nhà trường.

Nhà trường ban hành Quy chế tuyển sinh áp dụng thống nhất cho tất cả các trình độ đào tạo, trong đó nêu rõ nguyên tắc, đối tượng, điều kiện dự tuyển, phương thức xét tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, quy trình tổ chức tuyển sinh và công bố kết quả. Quy chế này được rà soát, cập nhật định kỳ hằng năm, phù hợp với các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và tình hình thực tiễn của nhà trường.

Trên cơ sở quy chế, trường xây dựng Kế hoạch tuyển sinh hằng năm (theo từng ngành, nghề, trình độ) trình Tổng cục GDNN phê duyệt và ban hành Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh. Kế hoạch được phổ biến công khai trên website, fanpage, cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường và các phương tiện truyền thông. Nội dung công bố gồm: các ngành nghề đào tạo, thời gian và hình thức tuyển sinh, học phí, chế độ ưu tiên, hỗ trợ học tập, ký túc xá và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

Hoạt động tư vấn tuyển sinh – hướng nghiệp được tổ chức thường xuyên tại các trường THPT, THCS, trung tâm GDNN–GDTX và các địa phương. Nhà trường phối hợp với các doanh nghiệp, cơ quan báo chí, đài truyền hình để tổ chức các chương trình “Ngày hội tư vấn tuyển sinh”, “Trải nghiệm nghề nghiệp”, giúp học sinh, phụ huynh nắm bắt đầy đủ thông tin,

chọn đúng ngành nghề phù hợp năng lực, sở thích. Các khoa chuyên môn cũng trực tiếp tư vấn cho thí sinh về nội dung, chuẩn đầu ra, cơ hội việc làm và nhu cầu lao động của từng nghề.

Nhờ triển khai đồng bộ các giải pháp tuyển sinh, trong giai đoạn 2022–2024, kết quả tuyển sinh của nghề Công nghệ ô tô đạt từ 82–90% chỉ tiêu kế hoạch, cho thấy hiệu quả của công tác quảng bá, tư vấn và tổ chức xét tuyển. Đặc biệt, năm 2025, nhờ tăng cường hình thức tuyển sinh trực tuyến qua hệ thống phần mềm và cải tiến nội dung truyền thông hướng nghiệp, số lượng thí sinh đăng ký tăng hơn 12% so với năm 2024.

Công tác tuyển sinh được kiểm tra, giám sát, đánh giá hằng năm, có báo cáo tổng kết và biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng đầu vào, bảo đảm người học được lựa chọn đúng ngành nghề, có định hướng nghề nghiệp rõ ràng và phù hợp với năng lực bản thân.

Nhìn chung, chính sách và hoạt động tuyển sinh của trường được thực hiện bài bản, hiệu quả, công khai, minh bạch, phù hợp với sứ mạng và chiến lược phát triển của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng đầu vào và ổn định quy mô đào tạo của CTĐT nghề Công nghệ ô tô (3.1.01. Quy chế tuyển sinh; 3.1.02. Kế hoạch tuyển sinh; 3.1.03. Thông báo tuyển sinh; 3.1.04. Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu; 3.1.05. Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của Trường; 3.1.06. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 3.1.07. Báo cáo tổng kết tuyển sinh các năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung, mục tiêu của từng mô-đun, môn học để góp phần đạt được mục tiêu và CDR của CTĐT.

Mô tả, phân tích và nhận định: Các phương pháp đào tạo trong chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được lựa chọn, áp dụng linh hoạt và phù hợp với đặc trưng từng mô-đun, môn học, nhằm phát huy năng lực nghề nghiệp, tư duy sáng tạo và kỹ năng thực hành của người học.

Nhà trường đã ban hành Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo và kiểm tra, đánh giá người học, trong đó xác định rõ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, tăng cường tính thực hành, ứng dụng và trải nghiệm thực tế nghề nghiệp. Giảng viên căn cứ vào chuẩn đầu ra của từng mô-đun, môn học để xây dựng kế hoạch giảng dạy, giáo án chi tiết và lựa chọn phương pháp phù hợp, bảo đảm người học đạt được các năng lực cần thiết theo mục tiêu đào tạo.

Đối với các môn học lý thuyết, giảng viên áp dụng phương pháp thuyết trình kết hợp thảo luận nhóm, đặt câu hỏi gợi mở, xử lý tình huống thực tế giúp người học chủ động tư duy, trao đổi kiến thức, phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng giao tiếp. Trong các mô-đun thực hành nghề, phương pháp dạy học theo dự án, mô phỏng qui trình chẩn đoán, sửa chữa ô tô, dạy học theo năng lực thực hiện được triển khai mạnh mẽ. Người học được tham gia trải nghiệm quy

trình chẩn đoán và sửa chữa tại cơ sở sản xuất thực tế, làm việc theo nhóm, rèn luyện kỹ năng nghề chẩn đoán trên các thiết bị chẩn đoán hiện đại tại doanh nghiệp.

Các giờ học đều được tích hợp lý thuyết – thực hành, kết hợp hướng dẫn trực tiếp của giảng viên với việc sử dụng bài giảng điện tử E-learning, video mô phỏng quy trình gia công, qua đó tạo điều kiện để người học tự học, tự rèn luyện kỹ năng, nâng cao năng lực số và thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực cơ khí ô tô.

Đặc biệt, nhà trường khuyến khích giảng viên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, như dạy học dự án (Project-based learning), dạy học theo vấn đề (Problem-based learning), thực hành tại doanh nghiệp (Work-based learning).

Việc đổi mới phương pháp đào tạo được đưa vào kế hoạch đào tạo hằng năm và đánh giá qua các đợt dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, phản hồi của người học và doanh nghiệp. Kết quả cho thấy trên 90% giảng viên áp dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và mức độ hài lòng của người học.

Nhìn chung, các phương pháp đào tạo của CTĐT nghề Công nghệ ô tô đã được lựa chọn, áp dụng đúng hướng, phù hợp nội dung – mục tiêu từng mô-đun, môn học, giúp người học phát triển toàn diện năng lực nghề nghiệp và đạt chuẩn đầu ra (3.2.01. Các chương trình đào tạo của trường; 2.6.03. Hình ảnh giao diện phần mềm E-learning và bài giảng điện tử; 3.2.02. Giáo án, kế hoạch giảng dạy các môn học, mô-đun; 3.2.03. Biên bản dự giờ, phiếu đánh giá giảng dạy; 3.2.04. Báo cáo tổng kết công tác chuyên môn của Khoa Công nghệ ô tô các năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Các hoạt động dạy và học phát huy tính tích cực, tự giác, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời.

Mô tả, phân tích và nhận định: Công tác tổ chức hoạt động dạy và học trong chương trình đào tạo (CTĐT) nghề Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được triển khai theo hướng phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học, coi người học là trung tâm của quá trình đào tạo, giảng viên đóng vai trò định hướng, hướng dẫn và hỗ trợ.

Các hoạt động dạy học được thiết kế gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết – thực hành – thực tế sản xuất, bảo đảm người học được rèn luyện đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ làm việc chuyên nghiệp. Giảng viên thường xuyên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như: thảo luận nhóm, học qua dự án (project-based learning), học qua tình huống (case study), mô phỏng quy trình sản xuất, hướng dẫn thực hành tại xưởng và doanh nghiệp. Những phương pháp này giúp người học chủ động tiếp cận vấn đề, hợp tác, trao đổi, tư duy sáng tạo và phát triển năng lực giải quyết vấn đề nghề nghiệp.

Giảng viên còn khuyến khích người học tự học, tự nghiên cứu thông qua bài tập cá nhân, đề tài nhỏ, nhật ký thực hành, học liệu điện tử và hệ thống E-learning. Học sinh – sinh viên (HSSV) được hướng dẫn cách tra cứu tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn ISO, video hướng dẫn thao tác... nhằm hình thành năng lực tự học và học tập suốt đời. Nhiều giảng viên áp dụng mô hình “lớp học đảo ngược” (flipped classroom), giúp người học chủ động tìm hiểu trước ở nhà, khi đến lớp tập trung vào thảo luận, thực hành và giải quyết vấn đề thực tiễn.

Để đảm bảo hiệu quả, nhà trường tổ chức dự giờ, đánh giá hoạt động dạy học định kỳ và thu thập phản hồi từ HSSV về phương pháp giảng dạy, mức độ hứng thú, tính thực tiễn của bài học. Kết quả khảo sát 3 năm gần đây cho thấy trên 92% người học hài lòng với phương pháp và hình thức tổ chức dạy học của giảng viên, cho rằng các giờ học thực hành, mô phỏng và nhóm dự án giúp họ nắm vững kiến thức và phát triển kỹ năng nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, trường khuyến khích HSSV tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến kỹ thuật, cuộc thi tay nghề, cuộc thi “Sáng tạo trẻ”, các CLB học thuật và kỹ năng mềm, góp phần rèn luyện năng lực sáng tạo, kỹ năng hợp tác và tinh thần học hỏi liên tục.

Nhìn chung, hoạt động dạy và học của CTĐT nghề Công nghệ ô tô đã thực sự phát huy tính chủ động, tích cực của người học, góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp vững vàng, tư duy sáng tạo và khả năng học tập suốt đời – phù hợp với mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp hiện nay (3.3.01. Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường; 3.2.02. Giáo án, kế hoạch giảng dạy; 3.2.03. Biên bản dự giờ, phiếu đánh giá giảng dạy; 3.3.02. Báo cáo kết quả khảo sát người học về phương pháp giảng dạy và học tập; 3.3.03. Hình ảnh hoạt động học nhóm, dự án, nghiên cứu khoa học của HSSV; 3.2.04. Báo cáo tổng kết công tác chuyên môn của Khoa Công nghệ ô tô các năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Trường phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại nơi làm việc.

Mô tả, phân tích và nhận định: Hoạt động phối hợp giữa nhà trường và đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn người học nghề Công nghệ ô tô thực hành, thực tập tại doanh nghiệp là một nội dung quan trọng, được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại triển khai thường xuyên, nhằm gắn đào tạo với thực tiễn sản xuất và nâng cao chất lượng đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT).

Nhà trường đã ký kết các biên bản thỏa thuận hợp tác (MOU) với nhiều doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh như: Công ty TOYOTA Việt Nam, Công ty HONDA Việt... Các thỏa thuận này thể hiện rõ trách nhiệm, quyền lợi của hai bên trong việc tổ chức thực tập, hướng dẫn kỹ năng nghề, tiếp nhận và đánh giá người học.

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với Khoa Công nghệ ô tô và Phòng Quản lý học sinh - sinh viên xây dựng kế hoạch tổ chức thực tập tại doanh nghiệp, trình Hiệu trưởng phê duyệt. Kế hoạch nêu rõ thời gian, địa điểm, số lượng học sinh – sinh viên (HSSV) tham gia, mục tiêu, nội dung thực tập, trách nhiệm của giảng viên hướng dẫn và cán bộ phụ trách tại doanh nghiệp. Trước khi đi thực tập, HSSV được tổ chức phổ biến quy định, kỹ năng an toàn lao động và nội quy doanh nghiệp, nhằm đảm bảo thái độ và tác phong công nghiệp trong quá trình thực tập.

Tại doanh nghiệp, HSSV được phân công người hướng dẫn trực tiếp là kỹ sư hoặc cán bộ kỹ thuật, tham gia vào các công đoạn sản xuất thực tế: Qui trình Bảo dưỡng – sửa chữa ô tô, vận hành các thiết bị chẩn đoán... Các báo cáo thực tập, nhật ký công việc, phiếu đánh giá của doanh nghiệp và giảng viên hướng dẫn được lưu trữ đầy đủ làm căn cứ đánh giá kết quả học tập.

Nhà trường duy trì cơ chế phản hồi hai chiều giữa doanh nghiệp và trường sau mỗi đợt thực tập. Các ý kiến góp ý về năng lực nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, ý thức kỷ luật của người học được tổng hợp để điều chỉnh chương trình đào tạo, giáo trình, phương pháp giảng dạy. Qua đó, chất lượng thực tập và mức độ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động được nâng cao rõ rệt.

Kết quả cho thấy, trong 3 năm (2022–2024), 100% HSSV ngành Công nghệ ô tô được tham gia thực tập tại doanh nghiệp; trên 85% đơn vị phản hồi tích cực về thái độ, kỹ năng nghề và khả năng thích ứng của người học. Nhiều HSSV được doanh nghiệp giữ lại làm việc ngay sau khi tốt nghiệp.

Nhìn chung, hoạt động phối hợp với doanh nghiệp trong tổ chức thực tập của trường được thực hiện có hệ thống, chặt chẽ và hiệu quả. Việc gắn kết giữa đào tạo và sản xuất không chỉ nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, mà còn giúp người học hình thành tác phong công nghiệp, năng lực thực hành nghề và khả năng hội nhập thị trường lao động sau tốt nghiệp (3.4.01. Hợp đồng, Thỏa thuận hợp tác về việc sinh viên thực tập; 3.4.02. Quyết định của Hiệu trưởng về việc sinh viên thực tập; 3.4.03. Danh sách sinh viên đi thực tập các năm; 3.4.04. Chương trình mô-đun thực tập doanh nghiệp; 3.4.05. Báo cáo thực tập và Bảng nhận xét thực tập; 3.4.06. Quy định về việc thực tập kết hợp sản xuất tại doanh nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng, ban hành quy trình và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng cho người tốt nghiệp bảo đảm công bằng, minh bạch; hồ sơ lưu trữ đầy đủ, rõ ràng.

Mô tả, phân tích và nhận định: Nhà trường đã ban hành hệ thống các quy định, quy trình, hướng dẫn cụ thể về việc kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và công nhận

tốt nghiệp cho người học theo đúng quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Các hoạt động được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, bảo đảm khách quan và phản ánh đúng năng lực của người học.

Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ. Mỗi môn học, mô-đun đều có ngân hàng câu hỏi, đề thi được xây dựng, nghiệm thu và cập nhật định kỳ. Hội đồng thi kết thúc môn học, mô-đun được thành lập hằng năm theo quyết định của Hiệu trưởng, gồm các giảng viên có chuyên môn phù hợp, thực hiện theo quy trình chặt chẽ: ra đề, in sao, coi thi, chấm thi, nhập điểm, lưu trữ bài thi. Tất cả các khâu đều có biên bản, phiếu chấm, bảng điểm, sổ theo dõi điểm lưu trữ tại Phòng Quản lý đào tạo và Khoa chuyên môn, bảo đảm tính minh bạch và dễ tra cứu.

Việc xây dựng, nghiệm thu ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề thi được triển khai theo kế hoạch hằng năm, có quy định, quyết định giao nhiệm vụ, biên bản nghiệm thu, bảo đảm đề thi đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp của người học, phù hợp với chuẩn đầu ra của từng mô-đun, môn học.

Đối với đánh giá rèn luyện HSSV, nhà trường thực hiện theo quy chế đánh giá, xếp loại rèn luyện ban hành hằng năm; kết quả được tổng hợp và công khai tại lớp, khoa, phòng Công tác học sinh – sinh viên. Các yếu tố về ý thức học tập, chấp hành nội quy, tham gia phong trào, tinh thần đoàn kết và thái độ nghề nghiệp đều được xem xét kỹ lưỡng, góp phần đánh giá toàn diện năng lực người học.

Công tác xét công nhận tốt nghiệp được tiến hành nghiêm túc, đúng quy trình, có hồ sơ minh chứng đầy đủ từ hội đồng xét, biên bản họp, quyết định công nhận tốt nghiệp đến việc in, cấp, lưu trữ và quản lý văn bằng. Danh sách người học được công nhận tốt nghiệp và kết quả học tập được công khai trên website trường, bảo đảm tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin.

Nhìn chung, quy trình kiểm tra, thi, đánh giá và cấp văn bằng của trường được tổ chức khoa học, đúng quy định pháp luật, minh bạch và khách quan. Hồ sơ, tài liệu được lưu trữ có hệ thống, dễ tra cứu phục vụ công tác thanh tra, kiểm định chất lượng. Đây là minh chứng rõ ràng cho việc nhà trường chú trọng công tác đảm bảo chất lượng trong toàn bộ quá trình đào tạo và đánh giá kết quả người học (3.5.01. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun; 3.5.02. Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn học, mô-đun; 3.5.03. Hồ sơ tổ chức thi (biên bản coi, chấm thi; phiếu chấm; bản đối chiếu số phách; bản vào điểm); 3.5.04. Hồ sơ xây dựng và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi/ngân hàng đề thi MH/MĐ (quy định, kế hoạch xây dựng và nghiệm thu, quyết định giao nhiệm vụ, quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu và biên bản nghiệm thu); 3.5.05. Biên bản họp khoa về việc rà soát, đánh giá, cập nhật ngân hàng câu hỏi/đề thi; 3.5.06. Quyết định công nhận tốt nghiệp; 3.5.07. Hồ sơ đánh giá kết quả rèn

luyện HSSV; 3.5.08. Thông báo và Biên bản họp về việc rà soát các Quy chế, Quy định liên quan; 3.3.01. Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 6: Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học đa dạng, tương thích với CDR của CTĐT và các mục tiêu dạy và học.

Mô tả, phân tích và nhận định: Công tác đánh giá kết quả học tập của người học tại trường được triển khai theo hướng tiếp cận năng lực, đảm bảo đánh giá toàn diện về kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, tương thích với chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT). Các phương pháp đánh giá được thiết kế đa dạng, linh hoạt, bao gồm kiểm tra thường xuyên, đánh giá quá trình, thi kết thúc mô-đun/môn học, báo cáo thực tập, bài tập lớn, đồ án tốt nghiệp, thực hành nghề nghiệp và các hình thức khác tùy theo đặc thù ngành, nghề.

Nhà trường đã ban hành Quy định về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học, trong đó nêu rõ hình thức, thời lượng, tỷ trọng điểm thành phần và cách tính điểm tổng kết, đảm bảo tính công bằng, khách quan và minh bạch. Căn cứ CDR của từng mô-đun, môn học, giảng viên lựa chọn hình thức đánh giá phù hợp (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, quan sát thao tác nghề, bài tập nhóm, dự án học tập...).

Các ngân hàng câu hỏi, đề thi được xây dựng và nghiệm thu định kỳ, có sự tham gia của hội đồng chuyên môn và doanh nghiệp nhằm đảm bảo đề thi phản ánh được yêu cầu năng lực nghề nghiệp thực tế. Quá trình ra đề, coi thi, chấm thi và nhập điểm được thực hiện đúng quy trình, có biên bản, sổ theo dõi và lưu trữ kết quả để phục vụ công tác thanh, kiểm tra và đánh giá ngoài.

Bên cạnh đó, trường chú trọng đánh giá quá trình học tập và năng lực thực hành thông qua quan sát, nhận xét tại xưởng, tại doanh nghiệp hoặc các buổi kiểm tra kỹ năng nghề. Giảng viên hướng dẫn thực tập và đại diện doanh nghiệp cùng tham gia đánh giá kỹ năng nghề của người học, bảo đảm tính khách quan và gắn kết giữa đào tạo với thực tiễn.

Kết quả học tập được phản hồi kịp thời đến người học qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo ESSoft, giúp người học nhận biết được mức độ hoàn thành mục tiêu môn học, mô-đun, từ đó điều chỉnh phương pháp học tập cho phù hợp. Các quy trình đánh giá nội bộ và rà soát cải tiến phương pháp đánh giá được triển khai thường xuyên, nhằm nâng cao chất lượng đánh giá và độ tin cậy của kết quả học tập.

Nhìn chung, các phương pháp đánh giá của trường đã đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng loại mô-đun, môn học và đáp ứng mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT, đồng thời phản ánh được năng lực nghề nghiệp của người học trong bối cảnh chuyên đổi số và hội nhập nghề nghiệp hiện nay (3.5.01. Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun; 3.5.04. Hồ sơ xây dựng và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi/ngân hàng đề thi MH/MĐ; 3.5.05. Biên bản họp

khoa về việc rà soát, đánh giá, cập nhật ngân hàng câu hỏi/đề thi; 3.3.01. Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường; 3.6.01. Hồ sơ về phần mềm quản lý đào tạo ESSoft; 3.4.05. Báo cáo thực tập và Bảng nhận xét thực tập của doanh nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 7: *Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được tổng hợp, phân tích và phản hồi kịp thời để cải thiện việc giảng dạy, học tập.*

Mô tả, phân tích và nhận định: Công tác tổng hợp, phân tích và phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá người học được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thực hiện thường xuyên và có quy trình rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch. Sau mỗi kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun, Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa chuyên môn thực hiện thống kê, tổng hợp kết quả học tập của người học theo từng mô-đun, ngành nghề. Dữ liệu được lưu trữ trong hệ thống phần mềm quản lý đào tạo ESSoft, phục vụ cho việc theo dõi quá trình học tập và đánh giá năng lực của người học.

Kết quả phân tích được trình bày trong Báo cáo tổng kết học kỳ, năm học, giúp các khoa chuyên môn xác định tỷ lệ đạt, chưa đạt, tỷ lệ điểm trung bình, từ đó phát hiện các mô-đun, môn học có tỷ lệ không đạt cao để xem xét điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy hoặc hình thức kiểm tra phù hợp hơn. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các cuộc họp chuyên môn, họp Hội đồng đào tạo để trao đổi, rút kinh nghiệm và đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập.

Phản hồi kết quả học tập của người học được thực hiện công khai qua bảng điểm, phần mềm quản lý đào tạo và phiếu nhận xét của giảng viên. Người học được hướng dẫn tự đánh giá, nhận diện các nội dung còn hạn chế để có kế hoạch học tập bù đắp, cải thiện năng lực. Nhà giáo căn cứ kết quả phản hồi để điều chỉnh phương pháp giảng dạy và tăng cường hỗ trợ học tập cho người học yếu.

Công tác phân tích, phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá người học được nhà trường gắn với hoạt động đảm bảo chất lượng nội bộ, tạo chu trình khép kín giữa dạy – học – đánh giá – cải tiến, đảm bảo tính liên tục và hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng đào tạo (3.5.03. Hồ sơ tổ chức thi (biên bản coi, chấm thi; phiếu chấm; bản vào điểm); 3.5.07. Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện HSSV; 3.3.01. Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường; 2.7.01. Báo cáo tổng kết của Phòng Quản lý đào tạo các năm học.)

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 7, Tiêu chí 3: 2,5 điểm.

Tiêu chí 4 - Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và viên chức, người lao động

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí 4**

1. Khái quát chung

Đội ngũ nhà giáo (NG), cán bộ quản lý (CBQL), viên chức (VC) và người lao động (NLD) của *chương trình đào tạo Công nghệ ô tô* cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng, cơ cấu, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Các nhà giáo tham gia giảng dạy đều đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tế trong lĩnh vực cơ khí ô tô, nhiều người có chứng chỉ sư phạm, chứng chỉ bồi dưỡng kỹ năng nghề và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

CBQL của khoa, bộ môn có trình độ phù hợp với vị trí công tác, năng lực quản lý và khả năng điều phối hiệu quả các hoạt động đào tạo. Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, tạo điều kiện cho đội ngũ NG, CBQL, VC và NLD được bồi dưỡng, nâng cao năng lực, đồng thời khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học, thi giáo viên giỏi, hội giảng các cấp.

2. Những điểm mạnh

- Cơ cấu đội ngũ nhà giáo hợp lý, đảm bảo tỷ lệ NG có trình độ đại học, thạc sĩ đúng chuyên ngành, đủ năng lực giảng dạy toàn bộ các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo.
- NG được phân công giảng dạy đúng chuyên môn, có kinh nghiệm thực tế sản xuất, kỹ năng sư phạm và tinh thần trách nhiệm cao.
- CBQL, VC, NLD được bổ nhiệm, phân công đúng năng lực, trình độ, được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên để cập nhật quy định, kỹ năng quản lý, kỹ năng số.
- Trường có kế hoạch phát triển đội ngũ hàng năm, kế hoạch bồi dưỡng giảng viên và CBQL rõ ràng, có theo dõi, tổng kết kết quả thực hiện.
- Chính sách đãi ngộ, khen thưởng, khuyến khích NG, CBQL, VC có thành tích được thực hiện minh bạch, góp phần nâng cao động lực làm việc và tinh thần đổi mới sáng tạo trong giảng dạy.
- Nhiều NG tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, dự thi hội giảng các cấp và đạt giải, góp phần nâng cao uy tín chuyên môn của đơn vị.

3. Những tồn tại

- Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ NG, CBQL kế cận còn thiếu tính kế thừa, đặc biệt trong nhóm giảng viên có tay nghề cao.
- Chưa có nhiều hoạt động trao đổi chuyên môn, hội thảo nội bộ chuyên sâu giữa NG các khoa, ngành trong lĩnh vực kỹ thuật.
- Một số kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng chuyển đổi số còn chậm triển khai so với kế hoạch do điều kiện kinh phí và thời gian.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tiếp tục triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ theo hướng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề và kỹ năng chuyển đổi số cho NG, CBQL.
- Tăng cường tổ chức các khóa tập huấn, thực tập tại doanh nghiệp, đặc biệt cho NG trẻ, nhằm cập nhật công nghệ và thực tiễn sản xuất.
- Xây dựng cơ chế đánh giá, phân loại NG, CBQL, VC, NLD định kỳ để làm cơ sở quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm phù hợp.
- Mở rộng cơ hội nghiên cứu khoa học, dự án hợp tác với doanh nghiệp, hội nghề nghiệp nhằm nâng cao năng lực ứng dụng và giảng dạy thực hành.
- Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, tạo động lực làm việc và thu hút nhân lực chất lượng cao, đồng thời khuyến khích NG đổi mới phương pháp dạy học, phát triển học liệu số, hướng tới dạy học tích hợp.

*** Điểm đánh giá tiêu chí 4**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	15
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5

Tiêu chuẩn 1: *Đội ngũ nhà giáo (NG) tham gia giảng dạy có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn, đáp ứng được yêu cầu CTĐT và các quy định về tổ chức đào tạo có liên quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Đội ngũ nhà giáo (NG) của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại tham gia giảng dạy chương trình đào tạo (CTĐT) Công nghệ ô tô có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 03/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Toàn bộ nhà giáo đều có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, kỹ năng nghề phù hợp với ngành nghề giảng dạy.

Cơ cấu đội ngũ nhà giáo được bố trí hợp lý, bảo đảm tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành theo yêu cầu của từng mô-đun. Các khoa, bộ môn đều có kế hoạch phân công giảng dạy cụ thể cho từng học kỳ, phù hợp với năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tế của từng nhà giáo. Nhiều giảng viên của Khoa Công nghệ ô tô đã tham gia thực tế sản xuất tại các doanh nghiệp

cơ khí ô tô trên địa bàn, có khả năng hướng dẫn người học gắn liền lý thuyết với thực hành, sản xuất.

Hồ sơ của đội ngũ nhà giáo được lưu giữ, cập nhật thường xuyên, bao gồm sơ yếu lý lịch, bằng cấp chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng nhận kỹ năng nghề, phiếu đánh giá chuyên môn nghiệp vụ hằng năm. Công tác đánh giá, xếp loại nhà giáo được thực hiện định kỳ theo quy định, kết quả là căn cứ để xét thi đua, khen thưởng và đề xuất tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ.

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ về việc phân công giảng dạy, kiểm tra hồ sơ giáo viên, đánh giá kết quả giảng dạy và rút kinh nghiệm sau học kỳ. Kết quả đánh giá chất lượng đội ngũ nhà giáo cho thấy, 100% giảng viên cơ hữu của chương trình đạt chuẩn chuyên môn, trong đó có 65% đạt trên chuẩn (thạc sĩ trở lên).

Nhìn chung, đội ngũ nhà giáo của trường đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy chương trình Công nghệ ô tô, có trình độ, năng lực nghề nghiệp vững vàng, tinh thần trách nhiệm cao, luôn đổi mới phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo (4.1.01. Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo; 4.1.02. Hồ sơ minh chứng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo; 4.1.03. Kế hoạch phân công giảng dạy các năm học; 4.1.04. Hồ sơ đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ các năm; 4.1.05. Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo các năm.)

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 1, Tiêu chí 4: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 2: *Đội ngũ NG được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Bảo đảm tất cả các mô-đun, môn học thuộc CTĐT có đủ NG giảng dạy; bảo đảm tỷ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác phân công giảng dạy của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được thực hiện khoa học, minh bạch và tuân thủ quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Việc bố trí giảng viên giảng dạy từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (CTĐT) Công nghệ ô tô được căn cứ vào trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, năng lực sư phạm và kinh nghiệm thực tế sản xuất của nhà giáo.

Khoa Công nghệ ô tô phối hợp với phòng Quản lý đào tạo lập Kế hoạch giảng dạy hằng năm, trên cơ sở khung chương trình, định mức giờ giảng và năng lực của từng giảng viên. Mỗi mô-đun, môn học đều có ít nhất một nhà giáo cơ hữu trực tiếp phụ trách, đồng thời có thể mời giảng viên thỉnh giảng là chuyên gia, kỹ sư từ các doanh nghiệp cơ khí ô tô trong khu vực tham gia giảng dạy các học phần chuyên sâu.

Tỷ lệ nhà giáo/người học luôn được duy trì trong giới hạn quy định, bảo đảm hiệu quả của các hoạt động dạy học. Cụ thể, tỷ lệ trung bình người học/nhà giáo trong ngành Công nghệ ô tô đạt khoảng 20:1, phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 14/2024/TT-BLĐTBXH. Số

lượng lớp học, xưởng thực hành, thiết bị đào tạo và phương tiện giảng dạy được phân bổ hợp lý, đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và học tập.

Kế hoạch phân công giảng dạy, bảng phân bổ giảng viên cho các mô-đun, danh sách lớp học, sổ đầu bài, báo cáo tổng kết công tác giảng dạy các năm học thể hiện rõ việc bố trí nhân sự phù hợp với năng lực, chuyên môn, bảo đảm công bằng, khách quan. Hằng năm, khoa đều rà soát kết quả giảng dạy, điều chỉnh phân công cho phù hợp hơn với thực tế và định hướng phát triển chương trình.

Kết quả đánh giá cho thấy, đội ngũ nhà giáo cơ hữu của trường đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, đảm bảo 100% các mô-đun, môn học trong chương trình đều có giảng viên phụ trách, không có học phần bị gián đoạn do thiếu nhân lực. Việc quản lý và phân công giảng dạy được thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả đào tạo (4.1.03. Kế hoạch phân công giảng dạy các năm học; 4.1.05. Hồ sơ đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ các năm; 4.1.04. Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo các năm)

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 2, Tiêu chí 4: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Có kế hoạch phát triển đội ngũ NG bảo đảm về số lượng và chất lượng để thực hiện CTĐT. NG tích cực tham gia NCKH, các hội thi liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại xác định phát triển đội ngũ nhà giáo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt với chương trình Công nghệ ô tô – ngành mũi nhọn của trường.

Hằng năm, Phòng Tổ chức – Hành chính phối hợp với Khoa Công nghệ ô tô và Phòng Quản lý đào tạo xây dựng Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, trong đó nêu rõ nhu cầu về số lượng, trình độ, cơ cấu ngành nghề và định hướng bồi dưỡng. Kế hoạch này được Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, gắn liền với chiến lược phát triển nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Nhà trường thực hiện quy hoạch, tuyển dụng, bồi dưỡng, đánh giá và sử dụng đội ngũ nhà giáo theo các quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho nhà giáo tham gia học tập nâng cao trình độ, đặc biệt là các khóa học về kỹ năng nghề, năng lực sư phạm, công nghệ số và ngoại ngữ. Đến năm 2025, 100% giảng viên ngành Công nghệ ô tô đạt chuẩn trình độ theo quy định, trong đó 100% có trình độ trên đại học, 100% có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 85% có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc cao và chứng chỉ an toàn lao động.

Song song với hoạt động giảng dạy, các nhà giáo được khuyến khích và hỗ trợ tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tham

dự Hội giảng Nhà giáo GDNN các cấp, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm, và các hoạt động chuyên môn khác.

Nhà trường có Báo cáo kết quả phát triển đội ngũ nhà giáo hằng năm, thể hiện việc rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch, nhằm bảo đảm đội ngũ ổn định, đồng bộ, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. Các chính sách khuyến khích, khen thưởng và hỗ trợ nhà giáo trong học tập, nghiên cứu, sáng kiến đều được triển khai minh bạch và hiệu quả (4.3.01. Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo hằng năm; 4.3.02. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo; 4.3.03. Hồ sơ minh chứng về hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của nhà giáo; 4.3.04. Hồ sơ khen thưởng nhà giáo đạt thành tích tại các hội thi, hội giảng chuyên môn)

Điểm tự đánh giá Tiêu chuẩn 3, Tiêu chí 4: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4: *Nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của NG được xác định có tính hệ thống, có kế hoạch và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu. NG định kỳ được học tập, bồi dưỡng, thực tập để cập nhật kiến thức, công nghệ, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp hoặc theo yêu cầu đặc thù của CTĐT.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại triển khai thường xuyên, có hệ thống và bám sát kế hoạch phát triển nguồn nhân lực của nhà trường. Phòng Hành chính tổng hợp phối hợp với các khoa, phòng ban liên quan định kỳ khảo sát nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, công nghệ mới của đội ngũ giảng viên, trên cơ sở đó xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn, thực tế doanh nghiệp hằng năm, trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện (Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng tại trường và Kế hoạch tổ chức sát hạch ngoại ngữ, tin học).

Trường chú trọng việc kết hợp giữa đào tạo trong nước và hợp tác doanh nghiệp, tạo điều kiện cho nhà giáo được tham quan, học tập thực tế, trải nghiệm quy trình công nghệ tại các doanh nghiệp cơ khí ô tô, sản xuất, lắp ráp để nâng cao kỹ năng thực hành, nắm bắt công nghệ mới (Công văn, Quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp). Sau mỗi đợt bồi dưỡng, giảng viên đều nộp báo cáo kết quả học tập, thực tập và được đánh giá, tổng hợp vào hồ sơ chuyên môn của nhà giáo (Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của nhà giáo).

Nhà trường cũng thực hiện sát hạch, kiểm tra năng lực định kỳ về chuyên môn, kỹ năng nghề và các năng lực bổ trợ như ngoại ngữ, tin học để bảo đảm nhà giáo đáp ứng tiêu chuẩn theo Thông tư số 05/2024/TT-BLĐTBXH. Việc cập nhật chương trình, phương pháp giảng dạy và công nghệ đào tạo số được lồng ghép trong các đợt bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên môn định kỳ của khoa.

Nhờ đó, đội ngũ giảng viên cơ bản đáp ứng chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, có khả năng giảng dạy tích hợp lý thuyết – thực hành, làm chủ công nghệ mới, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nghề Cơ khí ô tô và các ngành kỹ thuật khác của trường (4.4.01. Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng tại trường và Kế hoạch tổ chức sát hạch ngoại ngữ, tin học; 4.4.02. Công văn, Quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp; 4.4.03. Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của nhà giáo).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 5: *Đội ngũ CBQL, VC, NLD của khoa hoặc bộ môn triển khai CTĐT đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong xây dựng, tổ chức triển khai CTĐT; định kỳ được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác tổ chức, quản lý và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức và người lao động tại các khoa, bộ môn của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được thực hiện thường xuyên, bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH, Thông tư 28/2022/TT-BLĐTBXH và phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo.

Hiện nay, đội ngũ CBQL, VC, NLD của Khoa Công nghệ ô tô và các khoa có đào tạo kỹ thuật đều có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, tham gia các khóa nâng cao năng lực chuyển đổi số, sử dụng hệ thống LMS, E-learning trong tổ chức đào tạo. Cán bộ quản lý khoa, tổ bộ môn đều được bổ nhiệm theo đúng quy trình, hồ sơ, tiêu chuẩn và có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển năng lực lãnh đạo, chuyên môn hàng năm.

Nhà trường cũng thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn, hội nghị, hội thảo chuyên đề về đổi mới phương pháp quản lý, cải tiến quy trình triển khai chương trình, kiểm tra – đánh giá kết quả học tập, nâng cao kỹ năng điều hành, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giám sát hoạt động dạy học. Các Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý được xây dựng và triển khai định kỳ, gắn với nhiệm vụ trọng tâm của từng năm học.

Ngoài ra, công tác đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động được thực hiện định kỳ hằng năm, bảo đảm khách quan, công bằng, là căn cứ để xem xét khen thưởng, kỷ luật và quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ. Các khoa, bộ môn đều duy trì sinh hoạt chuyên môn, trao đổi học thuật nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên và cán bộ hỗ trợ đào tạo.

Nhìn chung, đội ngũ CBQL, VC, NLD của khoa và bộ môn đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, có năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý tốt, đáp ứng yêu cầu triển khai CTĐT và các hoạt động hỗ trợ người học. Tuy nhiên, vẫn cần tăng cường bồi dưỡng chuyên sâu về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, dạy học tích hợp, cũng như kỹ năng đánh giá

năng lực thực hành nghề nghiệp của người học (4.5.01. Quy chế và hồ sơ thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý; 4.5.02. Danh sách trích ngang và Phiếu đánh giá viên chức, người lao động hằng năm; 4.5.03. Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý và các quyết định cử cán bộ quản lý đi tập huấn nghiệp vụ hằng năm)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 6: *Đội ngũ NG, CBQL, VC, NLD của khoa hoặc bộ môn triển khai CTĐT được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Thực hiện chính sách khuyến khích đối với NG, CBQL có thành tích để cải tiến liên tục chất lượng của CTĐT.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường luôn quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo các quy định của Nhà nước và của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Các chính sách về lương, phụ cấp thâm niên, phụ cấp ưu đãi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chế độ nghỉ phép, nâng lương định kỳ và trước hạn đều được triển khai minh bạch, công bằng và đúng thời gian quy định.

Bên cạnh đó, nhà trường cũng xây dựng và áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ để tạo cơ chế chủ động, công khai trong sử dụng nguồn tài chính, gắn với hiệu quả công việc, khuyến khích các tập thể, cá nhân có đóng góp trong công tác giảng dạy, nghiên cứu và quản lý đào tạo. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng bộ phận, nhà trường tổ chức xét khen thưởng, nâng lương, tặng danh hiệu thi đua, đề nghị các hình thức khen thưởng cấp trên cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc.

Đặc biệt, để khuyến khích đội ngũ NG và CBQL đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học và cải tiến chương trình đào tạo, nhà trường ban hành các quy định, chính sách hỗ trợ hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, dự giờ – đánh giá bài giảng; tổ chức tuyên dương, biểu dương nhà giáo giỏi, cán bộ tiêu biểu trong các hội nghị tổng kết hằng năm.

Các chính sách khuyến khích, động viên và chế độ phúc lợi được triển khai thường xuyên, minh bạch và hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ NG, CBQL, VC, NLD, đồng thời thúc đẩy họ phát huy năng lực, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm trong công tác giảng dạy, quản lý và cải tiến chất lượng CTĐT (4.6.01. Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định khen thưởng; 4.6.02. Kế hoạch dự giờ và Phiếu đánh giá bài giảng; 4.6.03. Báo cáo tổng kết năm học của nhà trường; 4.6.04. Chứng từ nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 2,5 điểm.

Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu

* **Đánh giá tổng quát tiêu chí 5**

1. Khái quát chung

Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và học liệu phục vụ chương trình đào tạo *Công nghệ ô tô* được đầu tư, quản lý và khai thác sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động dạy và học.

Trường có hệ thống phòng học lý thuyết, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu hành chính và khu dịch vụ người học được quy hoạch hợp lý, đảm bảo quy chuẩn và tiêu chuẩn hiện hành về diện tích, ánh sáng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường. Các phòng học, xưởng thực hành được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, hệ thống điện, nước, quạt, mạng Internet và các phương tiện hỗ trợ dạy học.

Thiết bị, dụng cụ thực hành nghề Công nghệ ô tô được bố trí hợp lý theo dây chuyền công nghệ, bảo đảm tính an toàn và thuận lợi cho việc học tập, thực hành. Trường có quy trình quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, cấp phát vật tư phục vụ đào tạo rõ ràng, được thực hiện thường xuyên, có kiểm kê, theo dõi.

Hệ thống thư viện, phòng đọc điện tử, phòng đọc dành cho nhà giáo và người học, kho lưu trữ học liệu được sắp xếp khoa học; nguồn học liệu truyền thống và điện tử được bổ sung, cập nhật hằng năm, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo, người học.

2. Những điểm mạnh

- Quy hoạch tổng thể khuôn viên, cơ sở vật chất phù hợp công năng, bảo đảm môi trường xanh – sạch – đẹp, thân thiện, thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt của người học.

- Có phần mềm quản lý thiết bị, hồ sơ kiểm kê, báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản hàng năm giúp công tác quản lý hiệu quả, minh bạch.

- Hệ thống xưởng thực hành Công nghệ ô tô hiện đại, được trang bị nhiều loại xe hiện đại: xe ô tô Honda CRV, Xe ô tô Camry, nhiều thiết bị chẩn đoán hiện đại đáp ứng yêu cầu các mô đun thực hành, thực tập sản xuất.

- Quy trình quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và cấp phát vật tư đào tạo được ban hành, áp dụng thường xuyên.

- Thư viện có phòng đọc điện tử, hệ thống phần mềm quản lý học liệu, kho học liệu số được xây dựng, truy cập thuận tiện, hỗ trợ tốt cho người học và nhà giáo.

- Có kế hoạch đầu tư, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị, bổ sung học liệu hàng năm, gắn với nhu cầu thực tế của chương trình đào tạo.

3. Những tồn tại

- Một số thiết bị thực hành đã qua sử dụng nhiều năm, hư hỏng nhẹ, cần được sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thay thế để bảo đảm an toàn và hiệu quả sử dụng.

- Cơ sở hạ tầng mạng Internet tại một số khu vực xưởng còn yếu, ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy có ứng dụng công nghệ thông tin.

- Nguồn học liệu điện tử chuyên sâu cho một số mô-đun chuyên ngành Công nghệ ô tô còn hạn chế; chưa có cơ chế cập nhật học liệu số hóa đồng bộ giữa các khoa, bộ môn.

- Diện tích phòng đọc thư viện tuy đáp ứng quy chuẩn tối thiểu nhưng còn hạn chế khi số lượng người học tăng vào các năm cao điểm.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư, mua sắm, nâng cấp thiết bị dạy nghề Công nghệ ô tô, ưu tiên các thiết bị chẩn đoán hiện đại, các trang thiết bị về bảo dưỡng và sửa chữa ô tô điện và xe hybrid, phòng thực hành ảo.... phục vụ đào tạo kỹ năng nghề hiện đại.

- Hoàn thiện và triển khai đồng bộ hệ thống phần mềm quản lý thiết bị, học liệu điện tử, đảm bảo cập nhật thường xuyên, dễ tra cứu.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý, vận hành cơ sở vật chất, hướng tới mô hình “xưởng thông minh” trong đào tạo nghề cơ khí ô tô.

- Mở rộng diện tích phòng đọc, tăng cường bổ sung học liệu điện tử, giáo trình số, kết nối học liệu mở để phục vụ tốt hơn nhu cầu của người học.

- Thực hiện kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, kiểm kê thiết bị hàng năm, có phương án thanh lý, thay thế thiết bị không còn phù hợp.

- Phối hợp doanh nghiệp trong việc khai thác, sử dụng chung cơ sở thực hành, đảm bảo cập nhật công nghệ mới, tăng cường gắn kết đào tạo với sản xuất.

* Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	10
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	0
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	0

Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành, thực nghiệm bảo đảm quy chuẩn và tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành, các yêu cầu công nghệ và bền vững môi trường. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai bao gồm cả các nhu cầu, điều kiện thiết yếu cho người khuyết tật và không phân biệt đối xử về giới.

Mô tả, phân tích, nhận định: Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại, đặc biệt đối với ngành Công nghệ ô tô, được đầu tư đồng bộ, hiện đại và đáp ứng đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Hệ thống phòng học, phòng học chuyên môn hóa, khu vực thực hành – thực nghiệm được quy hoạch hợp lý theo từng khu chức năng: khu học lý thuyết, khu thực hành – sản xuất, khu phục vụ học sinh – sinh viên và khu hành chính – dịch vụ.

Các phòng học lý thuyết được trang bị bàn ghế, bảng, hệ thống chiếu sáng, thiết bị trình chiếu, hệ thống âm thanh, camera giám sát bảo đảm tiêu chuẩn về diện tích sử dụng (1,3–1,5 m²/người học) và môi trường sư phạm an toàn, thân thiện. Thực hành Động cơ, Thực hành điện ô tô, Thực hành gầm ô tô được bố trí khoa học, tuân thủ yêu cầu công nghệ và an toàn lao động, có biển chỉ dẫn, nội quy sử dụng, bảng hướng dẫn quy trình an toàn và phòng cháy chữa cháy.

Hàng năm Nhà trường thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế trang thiết bị hư hỏng. Các phòng học, xưởng thực hành đều được bố trí lối đi, hệ thống chiếu sáng, thông gió, thoát hiểm phù hợp cho người khuyết tật; không gian học tập và làm việc không có sự phân biệt giới tính, bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng cho tất cả người học. (Báo cáo hiện trạng cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo; Hồ sơ kiểm định an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy; Hình ảnh minh chứng về khu vực học tập, thực hành, thí nghiệm; Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thiết bị và hạ tầng kỹ thuật.)

Công tác bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và sức khỏe nghề nghiệp được quan tâm đặc biệt. Hàng năm, nhà trường phối hợp với cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện an toàn – vệ sinh lao động, huấn luyện an toàn, cấp thẻ cho người dạy và người học nghề có yếu tố nguy hiểm, độc hại. Đồng thời, nhà trường duy trì hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải, cải thiện cảnh quan, trồng mảng xanh trong khuôn viên, góp phần bảo vệ môi trường học tập bền vững.

Kết quả cho thấy, cơ sở vật chất phục vụ CTĐT của trường đáp ứng đầy đủ quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu về công nghệ, môi trường, an toàn, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy học, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp bền vững (5.1.01. Báo cáo hiện trạng cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo; 5.1.02. Hồ sơ kiểm định an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy; 5.1.03. Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thiết bị và hạ tầng kỹ thuật; 5.1.04. Hình ảnh khu vực học tập, phòng thực hành – thí nghiệm, cơ sở hạ tầng đảm bảo cho người khuyết tật và bình đẳng giới)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo đầy đủ về số lượng, chủng loại và đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện CTĐT.

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác trang bị, quản lý và sử dụng thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và bám sát mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo. Nhà trường đã đầu tư, nâng cấp hệ thống phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng mô phỏng nhằm bảo đảm phương tiện, thiết bị phục vụ công tác giảng dạy, học tập của nhà giáo và người học.

Đối với ngành Công nghệ ô tô, thiết bị và dụng cụ đào tạo được bố trí hợp lý, phù hợp với từng mô-đun, môn học trong CTĐT, đáp ứng yêu cầu về kỹ năng nghề, năng lực vận hành và thao tác thực tế. Việc bố trí, sử dụng và bảo quản thiết bị tuân thủ theo quy trình quản lý thiết bị đào tạo, có sổ theo dõi, nhật ký sử dụng, kế hoạch bảo trì – bảo dưỡng định kỳ.

Nhà trường duy trì công tác kiểm tra, đánh giá hiện trạng thiết bị, công cụ thực hành hằng năm, có biên bản đánh giá, kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung thiết bị khi cần thiết để đảm bảo tiến độ đào tạo. Ngoài ra, một số xưởng thực hành còn ứng dụng phần mềm quản lý thiết bị đào tạo, giúp giảng viên dễ dàng kiểm soát tình trạng, thời gian sử dụng, lịch bảo dưỡng và tồn kho.

Kết quả khảo sát của nhà giáo, sinh viên và doanh nghiệp cho thấy thiết bị thực hành của nhà trường đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình đào tạo. Một số thiết bị được đánh giá có tính hiện đại, giúp người học làm quen với công nghệ thực tế trong sản xuất công nghiệp. Tuy nhiên, do kinh phí và đầu tư hạn chế nên danh mục thiết bị chưa đủ, vẫn cần tiếp tục đầu tư bổ sung các thiết bị mô phỏng, thiết bị kiểm định xe ô tô để cập nhật với công nghệ mới của ngành cơ khí ô tô (5.2.01. Quy trình quản lý thiết bị đào tạo; 5.2.02. Danh mục thiết bị đào tạo của nghề Công nghệ ô tô; 5.2.03. Hồ sơ giao nhận thiết bị, dụng cụ đào tạo; 5.2.04. Phần mềm Quản lý thiết bị).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5: 0 điểm.

Tiêu chuẩn 3: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, bố trí hợp lý, bảo đảm các yêu cầu sư phạm, an toàn sức khỏe và vệ sinh môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác quản lý, khai thác và sử dụng thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được thực hiện theo đúng quy trình, quy định nội bộ, đảm bảo tính khoa học, hiệu quả và an toàn. Nhà trường ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và thiết bị đào tạo, quy định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, bảo quản và bảo trì thiết bị. Các khoa, đặc biệt là Khoa Công nghệ ô tô, đã cụ thể hóa bằng quy trình quản lý, bảo dưỡng, kiểm kê, thanh lý thiết bị theo định kỳ.

Toàn bộ thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được phân loại, mã hóa, lưu trữ thông tin trong Phần mềm Quản lý thiết bị nhằm đảm bảo tính minh bạch, thuận tiện trong việc tra cứu,

theo dõi tình trạng sử dụng và bảo trì. Hệ thống này cho phép các đơn vị cập nhật thường xuyên tình trạng thiết bị, từ đó giúp Phòng Quản trị thiết bị lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo từng học kỳ, đồng thời có phương án thay thế, bổ sung khi thiết bị hư hỏng hoặc lạc hậu.

Công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo được thực hiện đúng chu kỳ, có sổ theo dõi và biên bản xác nhận cụ thể. Các xưởng thực hành đều được bố trí hợp lý, đảm bảo không gian sư phạm, an toàn lao động, hệ thống điện – nước đạt chuẩn kỹ thuật. Ngoài ra, trường còn duy trì các báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản hàng năm, trong đó đánh giá mức độ khai thác, sử dụng thiết bị và đề xuất biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

Nhìn chung, thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo của trường được quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo và các tiêu chuẩn về an toàn, sức khỏe, vệ sinh môi trường. Tuy nhiên, một số thiết bị tại các xưởng nghề cơ khí ô tô, điện – điện tử cần được nâng cấp theo hướng công nghệ số để đáp ứng tốt hơn yêu cầu đổi mới chương trình và phương pháp dạy học (5.2.01. Quy trình quản lý thiết bị, dụng cụ đào tạo; 5.2.04. Phần mềm Quản lý thiết bị; 5.3.01. Báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Trường ban hành và áp dụng quy trình quản lý, cấp phát nguyên, nhiên, vật liệu (NVL). NVL được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo kế hoạch, tiến độ đào tạo và được tái sử dụng hiệu quả.

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác quản lý, cấp phát và sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu (NVL) phục vụ đào tạo tại Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được triển khai bài bản, tuân thủ quy định của Nhà nước và phù hợp với đặc thù đào tạo nghề Cơ khí ô tô. Nhà trường đã ban hành các văn bản, quy trình quản lý NVL cụ thể, bảo đảm việc cấp phát, bảo quản, tái sử dụng được kiểm soát chặt chẽ và minh bạch.

Hàng năm, căn cứ kế hoạch giảng dạy, thực hành, các khoa chuyên môn, đặc biệt là Khoa Công nghệ ô tô, lập dự toán nhu cầu vật tư, thiết bị, nguyên liệu cho từng mô-đun, nghề đào tạo. Các định mức vật tư được quy định rõ trong văn bản nội bộ, làm căn cứ để kiểm soát chi phí và cấp phát. Hồ sơ, biên bản giao nhận vật tư được lưu trữ đầy đủ, phản ánh đúng quy trình cấp phát, sử dụng và thu hồi.

Các khu thực hành, xưởng Thực hành được bố trí, sắp xếp nguyên, vật liệu gọn gàng, có biển chỉ dẫn rõ ràng, bảo đảm thuận tiện cho việc cấp phát, sử dụng, bảo dưỡng và kiểm kê định kỳ. Phần lớn vật liệu được tái sử dụng hợp lý sau các giờ học thực hành nhằm tiết kiệm chi phí và giảm thiểu lãng phí. Phòng Quản trị – Thiết bị phối hợp với khoa chuyên môn thực hiện kiểm kê định kỳ, có biên bản đánh giá tình trạng vật tư, vật liệu, và cập nhật vào sổ quản lý thiết bị – vật tư điện tử.

Nhà trường đồng thời khuyến khích các sáng kiến cải tiến trong sử dụng vật tư, nguyên liệu – như tận dụng phế phẩm, đổi mới dụng cụ thực hành và tái chế vật tư đơn giản – góp phần tiết kiệm ngân sách và nâng cao hiệu quả đào tạo.

Nhìn chung, công tác quản lý, cấp phát và sử dụng NVL đã được chuẩn hóa theo quy trình, đảm bảo đủ nguồn vật tư, nguyên liệu cho giảng dạy và học tập, có tính khoa học, hiệu quả, phục vụ tốt cho các hoạt động đào tạo nghề Công nghệ ô tô và các nghề kỹ thuật khác (5.4.01. Quy định về cấp phát vật tư; 5.4.02. Hồ sơ, biên bản giao nhận vật tư thực tập).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 5: *Thư viện, nguồn học liệu đầy đủ và phù hợp; được cập nhật và áp dụng những tiến bộ về CNTT trong quản lý, sử dụng, bảo đảm hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy, học, nghiên cứu của NG, CBQL, VC, NLD, người học và các hoạt động khác liên quan đến việc thực hiện CTĐT.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Thư viện của Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại được đầu tư xây dựng, duy trì và phát triển nhằm phục vụ hiệu quả công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của đội ngũ NG, CBQL, VC, NLD và người học. Thư viện hiện có phòng đọc chung, phòng đọc điện tử, kho học liệu in, kho dữ liệu số và hệ thống truy cập trực tuyến, đảm bảo phục vụ nhu cầu đa dạng của người dùng.

Nguồn học liệu của nhà trường được cập nhật định kỳ hằng năm, bao gồm: giáo trình chính thức của các mô-đun, môn học trong CTĐT, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu điện tử và dữ liệu mở được cấp phép sử dụng. Đặc biệt, thư viện đã triển khai hệ thống phần mềm quản lý thư viện điện tử, giúp tra cứu, mượn – trả tài liệu, truy cập học liệu số hóa dễ dàng, thuận tiện. Bên cạnh đó, người học và giảng viên có thể truy cập các nguồn học liệu mở qua Internet, hệ thống E-learning, LMS và Google Classroom phục vụ công tác giảng dạy, học tập trực tuyến và kết nối tài nguyên học tập.

Công tác quản lý, cập nhật học liệu được phân công rõ ràng: phòng Đào tạo và các khoa chuyên môn phối hợp rà soát, đề xuất bổ sung tài liệu học tập, trong khi thư viện thực hiện lưu trữ, số hóa, bảo quản, cấp quyền truy cập và thống kê sử dụng. Định kỳ mỗi học kỳ, các đơn vị tổ chức họp đánh giá hiệu quả sử dụng học liệu, thu thập ý kiến phản hồi của người học và giảng viên, làm cơ sở để cải tiến, bổ sung tài liệu mới, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của từng ngành, nghề đào tạo.

Ngoài ra, thư viện còn được trang bị máy tính, thiết bị trình chiếu, mạng Internet, hệ thống camera giám sát và hệ thống mượn trả tự động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và nghiên cứu. Các nguồn học liệu điện tử được bảo mật, lưu trữ trên máy chủ nội bộ, đồng

thời được sao lưu định kỳ nhằm đảm bảo an toàn và tính liên tục trong phục vụ người học và giảng viên.

Nhà trường cũng có kế hoạch mở rộng liên kết học liệu với các thư viện, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và trung tâm đào tạo khác để khai thác tài nguyên dùng chung, hướng đến xây dựng thư viện số liên thông phục vụ chuyển đổi số trong GDNN (5.5.01. Hồ sơ thư viện (sơ đồ, bản vẽ, diện tích, trang thiết bị); 5.5.02. Danh mục giáo trình, tài liệu, học liệu cập nhật hàng năm; 5.5.03. Hình ảnh phần mềm quản lý học liệu và hệ thống E-learning; 5.5.04. Báo cáo tổng kết công tác thư viện và phát triển học liệu các năm học 2022–2024).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 6: *Thiết bị, dụng cụ đào tạo, các điều kiện đào tạo trực tuyến phù hợp và được cập nhật đáp ứng yêu cầu của CTĐT.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn quan tâm đầu tư, nâng cấp thiết bị, dụng cụ đào tạo cũng như các điều kiện hỗ trợ đào tạo trực tuyến nhằm bảo đảm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các chương trình đào tạo, đặc biệt là chương trình Công nghệ ô tô. Các thiết bị thực hành, mô hình học cụ đều được trang bị đồng bộ, đáp ứng đúng danh mục tối thiểu do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành. Thiết bị được phân bổ phù hợp cho từng mô-đun, từng ngành nghề, có kế hoạch khai thác sử dụng và bảo trì định kỳ.

Song song với đó, nhà trường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo, đặc biệt là việc triển khai đào tạo kết hợp và đào tạo trực tuyến (E-learning). Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo ESSoft và hệ thống E-learning được triển khai và vận hành hiệu quả, giúp nhà giáo và người học có thể tổ chức, quản lý lớp học, lưu trữ học liệu, đánh giá kết quả học tập thuận lợi.

Ngoài ra, các phòng máy tính, thiết bị trình chiếu, đường truyền Internet tốc độ cao đều được duy trì, phục vụ tốt cho hoạt động dạy – học trực tuyến, học chuyên môn và sinh hoạt học thuật. Nhà trường cũng có kế hoạch cập nhật, bổ sung thiết bị đào tạo, phần mềm mô phỏng và công nghệ số hóa bài giảng theo lộ trình hằng năm, bảo đảm phù hợp với định hướng chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp.

Nhìn chung, hệ thống thiết bị, dụng cụ đào tạo và hạ tầng công nghệ thông tin hiện có đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo, đặc biệt là đối với ngành Công nghệ ô tô – lĩnh vực cần tính chính xác và công nghệ cao. Tuy nhiên, do kinh phí và đầu tư hạn chế nên danh mục thiết bị chưa đủ, một số thiết bị chuyên sâu vẫn cần được tiếp tục hiện đại hóa, đồng bộ hóa và nâng cấp để theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ sản xuất (5.2.02. Danh mục thiết bị đào tạo của nghề Công nghệ ô tô; 5.6.01. Hồ sơ về phần mềm quản lý đào tạo

ESSoft; 5.6.02. Hợp đồng thuê hệ thống phần mềm E-learning; 2.6.03. Hình ảnh giao diện phần mềm E-learning và bài giảng điện tử).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 0 điểm.

Tiêu chí 6 - Người học và hoạt động hỗ trợ người học

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí 6**

1. Khái quát chung

Công tác quản lý, hỗ trợ và phục vụ người học của Trường được tổ chức đầy đủ, khoa học, phù hợp với mục tiêu đào tạo của chương trình *Công nghệ ô tô*. Trường ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên, các quy định, quy trình hướng dẫn cụ thể về chế độ, chính sách, công tác quản lý và hỗ trợ người học; đồng thời công khai trên website, bảng tin, trong *Tuần sinh hoạt công dân – HSSV đầu khóa* nhằm bảo đảm người học nắm được quyền lợi, nghĩa vụ, chế độ, chính sách của Nhà nước và của Trường.

Các hoạt động hỗ trợ người học được triển khai đa dạng: tư vấn học tập, tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm việc làm, cấp học bổng khuyến khích học tập, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, người học thuộc đối tượng chính sách. Ngoài ra, trường tạo điều kiện cho HSSV tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp và các hoạt động xã hội nhằm phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất.

Trường duy trì Trung tâm hỗ trợ HSSV và quan hệ doanh nghiệp, có nhiệm vụ liên kết với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để giới thiệu việc làm, tổ chức thực tập và tuyển dụng sau tốt nghiệp. Hằng năm, công tác khảo sát ý kiến người học, cựu HSSV và doanh nghiệp về chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất, dịch vụ hỗ trợ đều được thực hiện và sử dụng kết quả để cải tiến hoạt động hỗ trợ người học.

2. Những điểm mạnh

- Hệ thống quy chế, quy định và kế hoạch hỗ trợ người học được ban hành và triển khai đồng bộ, có sự giám sát của phòng Công tác HSSV và các khoa.
- Thực hiện hiệu quả các chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng khuyến khích học tập, chính sách nội trú; danh sách và quyết định công khai minh bạch.
- Duy trì tốt các hoạt động văn hóa, thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, hoạt động tình nguyện, góp phần rèn luyện kỹ năng mềm và tinh thần trách nhiệm xã hội cho người học.
- Có quy trình khảo sát và thu thập ý kiến người học, các bên liên quan về công tác quản lý, hỗ trợ HSSV; kết quả khảo sát được phân tích, phản hồi và làm căn cứ cải tiến công tác đào tạo và phục vụ người học.

- Công tác tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm được triển khai hiệu quả, nhiều doanh nghiệp hợp tác, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên ngành Công nghệ ô tô ngay sau khi tốt nghiệp.

- Hệ thống y tế học đường, căn-tin, ký túc xá, các dịch vụ sinh hoạt bảo đảm an toàn, vệ sinh, thân thiện, góp phần tạo môi trường học tập tích cực cho người học.

3. Những tồn tại

- Một số hoạt động hỗ trợ người học trực tuyến (E-support) còn hạn chế, chưa được tích hợp đầy đủ vào hệ thống quản lý đào tạo.

- Học liệu và tài nguyên học tập trực tuyến phục vụ tự học, tự nghiên cứu của HSSV ngành Công nghệ ô tô chưa thật phong phú, cần cập nhật thường xuyên hơn.

- Chưa có cơ chế thống nhất trong việc ghi nhận và đánh giá hiệu quả các hoạt động hỗ trợ người học theo tiêu chí chất lượng cụ thể.

- Kết quả khảo sát ý kiến HSSV về mức độ hài lòng đối với một số dịch vụ (như canteen, wifi, ký túc xá) vẫn còn ở mức trung bình.

- Tỷ lệ người học thuộc diện chính sách, hoàn cảnh khó khăn còn cao, nên nhu cầu hỗ trợ tài chính vẫn lớn so với khả năng ngân sách của nhà trường.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Hoàn thiện và triển khai hệ thống hỗ trợ người học trực tuyến tích hợp với phần mềm quản lý đào tạo, giúp HSSV tiếp cận thông tin, phản hồi và đăng ký dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện.

- Tăng cường nguồn học liệu điện tử, video hướng dẫn thực hành, tài liệu kỹ năng nghề nghiệp phục vụ tự học và nghiên cứu.

- Mở rộng và đa dạng hóa các chương trình học bổng, chính sách hỗ trợ, huy động nguồn lực xã hội hóa từ doanh nghiệp, cựu sinh viên.

- Thường xuyên khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người học về các dịch vụ hỗ trợ, công tác quản lý, cơ sở vật chất; công khai kết quả và có biện pháp cải tiến hàng năm.

- Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp để tổ chức hội thảo nghề nghiệp, tham quan thực tế, kết nối việc làm sau tốt nghiệp.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý người học toàn diện, theo dõi quá trình học tập, rèn luyện, hỗ trợ và phản hồi để nâng cao hiệu quả phục vụ.

* Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	10
Tiêu chuẩn 1	2,5

Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5

Tiêu chuẩn 1: Các thông tin về ngành, nghề, CTĐT, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với người học được mô tả rõ ràng, đầy đủ, công khai.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường thực hiện đầy đủ và nghiêm túc việc công khai thông tin về ngành, nghề đào tạo, chương trình đào tạo, nội quy – quy chế và chính sách đối với người học theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BLĐT BXH về chế độ công khai trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Toàn bộ thông tin liên quan đến hoạt động đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp được cập nhật định kỳ, đảm bảo tính minh bạch, chính xác và dễ tiếp cận đối với người học cũng như các bên liên quan.

Cụ thể, Quy chế công tác học sinh, sinh viên, Quy định về tổ chức thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp, Quy định học phí, chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, cùng các kế hoạch, thông báo tuyển sinh, lịch học, lịch thi, thời khóa biểu được đăng tải công khai trên website chính thức của trường (<https://coit.edu.vn>), tại bảng tin các khoa, phòng ban và trong hệ thống quản lý đào tạo ESSoft.

Bên cạnh đó, nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” vào đầu mỗi năm học và đầu khóa học nhằm phổ biến cho người học về nội quy, quy chế, quyền và nghĩa vụ của học sinh, sinh viên, các chế độ chính sách và hướng dẫn khai thác thông tin học tập. Các thông báo học vụ, thông tin điều chỉnh kế hoạch học tập, thi cử, thực tập, tốt nghiệp đều được cập nhật thường xuyên qua website, email sinh viên và ứng dụng quản lý đào tạo trực tuyến.

Ngoài ra, phòng Quản lý HSSV và Phòng Quản lý Đào tạo duy trì hoạt động tư vấn, giải đáp trực tiếp và qua các kênh trực tuyến giúp người học nắm rõ quy định, chính sách, chế độ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình học tập và rèn luyện. Công tác công khai minh bạch thông tin giúp người học tăng tính chủ động, tự giác và yên tâm trong học tập, rèn luyện, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của nhà trường (6.1.01. Quy chế công tác học sinh, sinh viên; 6.1.02. Quy chế đào tạo; 6.1.03. Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa; 6.1.04. Thông tin công khai trên website trường và hệ thống quản lý đào tạo ESSoft).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 2: Người học được bảo đảm hưởng các chế độ, chính sách theo quy định, trong đó có chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường luôn xác định chính sách, chế độ hỗ trợ và khuyến khích người học là một trong những yếu tố quan trọng nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo. Các quy định, quy chế công tác học sinh, sinh viên (HSSV) được ban hành, thực hiện nghiêm túc, bảo đảm người học được hưởng đầy đủ các quyền lợi về miễn giảm học phí, học bổng, chính sách nội trú, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Nhà nước.

Nhà trường có Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập, được công khai và triển khai hằng năm, đảm bảo công bằng, minh bạch, tạo động lực học tập cho người học. Đồng thời, các chính sách hỗ trợ HSSV có hoàn cảnh khó khăn cũng được thực hiện kịp thời như miễn, giảm học phí, hỗ trợ nội trú, hỗ trợ chi phí học tập, học bổng chính sách.

Thông tin về chính sách học bổng, khen thưởng, hỗ trợ người học được công khai trên website của Trường và trong các buổi “Tuần sinh hoạt công dân – HSSV” đầu khóa, bảo đảm người học nắm rõ quyền lợi và nghĩa vụ.

Nhà trường cũng thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ học tập, rèn luyện, giúp người học khắc phục khó khăn trong quá trình học tập. Đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập theo dõi sát tình hình học tập của sinh viên, kịp thời tư vấn, hỗ trợ, góp phần giảm tỷ lệ học sinh, sinh viên bỏ học (6.2.01. Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV; 6.2.02. Hồ sơ khen thưởng HSSV; 6.2.03. Hồ sơ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách nội trú; 6.2.04. Công khai thông tin về khen thưởng, học bổng, chính sách hỗ trợ trên website trường; 6.2.05. Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Người học được tư vấn học tập, tạo điều kiện tham gia các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, NCKH, khởi nghiệp, tư vấn về thị trường lao động, việc làm và phát triển nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường quan tâm đặc biệt đến việc phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học, thông qua việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp cũng như tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm.

Hằng năm, phòng Quản lý HSSV phối hợp với Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên và các khoa chuyên môn xây dựng, triển khai Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động tình nguyện, khởi nghiệp và NCKH, tạo môi trường rèn luyện kỹ năng, tinh thần sáng tạo và trách nhiệm xã hội cho HSSV.

Các hoạt động này giúp người học phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, năng lực sáng tạo và ý thức công dân. Bên cạnh đó, Trường tổ chức hội thảo hướng nghiệp, ngày hội việc làm, kết nối doanh nghiệp để tư vấn nghề nghiệp, tuyển dụng và hỗ trợ sinh viên tìm việc làm sau tốt nghiệp.

Thông tin về các hoạt động này được công khai thường xuyên trên website, bản tin nội bộ, giúp người học dễ dàng tiếp cận và đăng ký tham gia. Hằng năm, công tác đoàn – hội được tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động cho người học. Nhờ đó, người học không chỉ đạt được kết quả tốt trong học tập mà còn được bồi dưỡng năng lực toàn diện, nâng cao khả năng thích ứng với môi trường lao động thực tế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường (6.3.01. Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các năm; 6.3.02. Hồ sơ hoạt động văn hóa, văn nghệ của HSSV; 6.3.03. Hồ sơ hoạt động thể dục, thể thao của HSSV; 6.3.04. Hồ sơ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo, khởi nghiệp của HSSV; 6.3.05. Hồ sơ hoạt động tình nguyện, xã hội, phục vụ cộng đồng của HSSV; 6.3.06. Công khai thông tin, tin bài hoạt động HSSV trên website, bản tin trường; 6.3.07. Báo cáo tổng kết công tác đoàn các năm; 6.3.08. Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm các năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa, hoạt động phong trào và các dịch vụ hỗ trợ khác giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm cho người học sau tốt nghiệp. Môi trường và cảnh quan sư phạm tạo thuận lợi cho hoạt động học tập, rèn luyện và phát triển cá nhân của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại luôn xác định người học là trung tâm của quá trình giáo dục, do đó các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, phong trào và dịch vụ học tập được triển khai thường xuyên, đồng bộ, tạo môi trường thuận lợi để người học phát triển toàn diện về tri thức, kỹ năng, đạo đức và năng lực nghề nghiệp.

Công tác tư vấn học tập, định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ việc làm được thực hiện ngay từ khi nhập học và trong suốt quá trình học tập. Các khoa, bộ môn tổ chức tư vấn học tập, lựa chọn mô-đun, hỗ trợ lập kế hoạch học tập cá nhân, giải đáp vướng mắc về tiến độ học tập. Phòng Công tác HSSV phối hợp với các doanh nghiệp, trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức ngày hội việc làm, tọa đàm tuyển dụng, hội thảo kỹ năng phỏng vấn, giúp người học nâng cao khả năng tìm việc sau tốt nghiệp.

Các hoạt động ngoại khóa, văn hóa, thể thao, phong trào thanh niên được tổ chức đa dạng, góp phần rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tinh thần sáng tạo và trách nhiệm xã hội cho người học. Môi trường học tập được chú trọng cải thiện với khuôn viên xanh – sạch – đẹp, hệ thống thư viện, phòng tự học, khu thể thao, sân chơi văn hóa – văn nghệ được nâng cấp thường xuyên, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên sinh hoạt, học tập và rèn luyện.

Bên cạnh đó, trường còn phát triển các dịch vụ hỗ trợ người học nội trú, như hệ thống ký túc xá an toàn, căn-tin, trạm y tế, đảm bảo sức khỏe và đời sống sinh viên. Các phản hồi của

sinh viên về chất lượng học tập, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ được khảo sát định kỳ, làm căn cứ điều chỉnh và nâng cao chất lượng phục vụ.

Nhìn chung, các hoạt động hỗ trợ học tập, tư vấn nghề nghiệp, phong trào, ngoại khóa của trường được tổ chức phong phú, hiệu quả, góp phần giúp người học chủ động hơn trong học tập, có kỹ năng nghề nghiệp vững vàng và dễ dàng thích ứng với môi trường làm việc sau khi ra trường. Tuy nhiên, cần mở rộng hơn nữa mạng lưới doanh nghiệp đối tác và tăng cường hoạt động hướng nghiệp thực tế để gắn kết đào tạo với nhu cầu thị trường lao động (6.4.01. Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm các năm; 6.4.02. Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các năm; 6.4.03. Quy định về quản lý HSSV nội trú; 6.4.04. Hồ sơ y tế, Hợp đồng Canteen, Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm; 6.4.05. Phiếu khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về công tác quản lý, hỗ trợ HSSV; 6.4.06. Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức đào tạo, CSVC, chất lượng dịch vụ...).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2,5 điểm.

Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng

*** Đánh giá tổng quát tiêu chí 7**

1. Khái quát chung

Công tác giám sát, đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) ngành *Công nghệ ô tô* được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại triển khai bài bản, thường xuyên và có hệ thống. Nhà trường đã ban hành quy trình bảo đảm chất lượng nội bộ, quy định cụ thể về hoạt động tự đánh giá, khảo sát, giám sát việc thực hiện chương trình, và cơ chế cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

Hàng năm, trường tổ chức tự đánh giá CTĐT theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, đồng thời xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, báo cáo Hội đồng tự đánh giá và Hội đồng trường phê duyệt.

Công tác thu thập, phân tích và sử dụng dữ liệu chất lượng (tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học, có việc làm; mức độ đạt chuẩn đầu ra; mức độ hài lòng của người học và đơn vị sử dụng lao động) được thực hiện định kỳ, giúp khoa chuyên môn và các phòng chức năng có căn cứ điều chỉnh nội dung, phương pháp đào tạo, nâng cao chất lượng đầu ra.

Các công cụ khảo sát, biểu mẫu đánh giá, phần mềm quản lý kết quả khảo sát được sử dụng thống nhất trong toàn trường, đảm bảo tính chính xác, khách quan, minh bạch. Ngoài ra, nhà trường thực hiện đánh giá ngoài, kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và CTĐT theo lộ trình đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2. Những điểm mạnh

- Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ được thiết lập, có quy trình rõ ràng từ khâu giám sát đến đánh giá và cải tiến; có sự tham gia của lãnh đạo, khoa chuyên môn và bộ phận đảm bảo chất lượng.

- Hoạt động tự đánh giá CTĐT được thực hiện định kỳ hằng năm, có báo cáo minh chứng, biên bản họp, kế hoạch cải tiến được cập nhật và công khai trên website trường (<https://coit.edu.vn/bao-cao-tu-danh-gia.html>).

- Kế hoạch khảo sát và thu thập dữ liệu chất lượng được triển khai rộng rãi, bao gồm người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, doanh nghiệp và cựu HSSV; kết quả khảo sát được phân tích phục vụ điều chỉnh chương trình và chính sách.

- Các chỉ số chất lượng đầu ra (tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học, có việc làm) được thống kê, giám sát hằng năm; dữ liệu minh chứng lưu trữ đầy đủ, rõ ràng, có đối sánh qua các năm.

- Công tác kiểm định và đánh giá ngoài được chuẩn bị chu đáo, minh chứng cập nhật, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của chương trình.

- Có kế hoạch cải tiến chất lượng thường niên giúp nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo.

3. Những tồn tại

- Một số hoạt động khảo sát, đặc biệt là khảo sát đơn vị sử dụng lao động, chưa được thực hiện thường xuyên theo từng nghề mà mới dừng ở cấp tổng hợp.

- Việc phân tích sâu dữ liệu định lượng (tỷ lệ việc làm, tỷ lệ bỏ học, mức độ hài lòng theo từng tiêu chí) còn hạn chế, chưa sử dụng phần mềm thống kê chuyên dụng.

- Các biện pháp cải tiến chất lượng sau khảo sát chưa có báo cáo tổng hợp đánh giá hiệu quả cụ thể hằng năm.

- Công tác truyền thông, phổ biến kết quả tự đánh giá và kiểm định tới cán bộ, nhà giáo, HSSV còn hạn chế.

4. Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, lưu trữ, phân tích dữ liệu đảm bảo chất lượng CTĐT; chuẩn hóa biểu mẫu và phần mềm phân tích thống kê.

- Tổ chức khảo sát định kỳ hằng năm đối với doanh nghiệp, cựu HSSV, người học hiện tại về mức độ đáp ứng CDR và chất lượng đào tạo.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ phụ trách công tác đảm bảo chất lượng và tự đánh giá CTĐT.

- Hoàn thiện bộ chỉ số giám sát chất lượng đầu ra, gắn kết kết quả khảo sát với hoạt động điều chỉnh chương trình, phương pháp giảng dạy.

- Công khai rộng rãi kết quả tự đánh giá, kiểm định và kế hoạch cải tiến chất lượng để các bên liên quan có thể tham gia phản hồi.

- Định kỳ tổ chức hội nghị đánh giá và chia sẻ kinh nghiệm đảm bảo chất lượng, tăng cường văn hóa chất lượng trong toàn trường.

*** Điểm đánh giá tiêu chí 7**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	17,5
Tiêu chuẩn 1	2,5
Tiêu chuẩn 2	2,5
Tiêu chuẩn 3	2,5
Tiêu chuẩn 4	2,5
Tiêu chuẩn 5	2,5
Tiêu chuẩn 6	2,5
Tiêu chuẩn 7	2,5

Tiêu chuẩn 1: Các chính sách, quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng về xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, ban hành CTĐT được xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình và công cụ bảo đảm chất lượng (BĐCL) để quản lý và giám sát toàn bộ quá trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo (CTĐT) theo đúng quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Hệ thống này được xác định là một trong những cấu phần cốt lõi của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, được thực hiện đồng bộ giữa Phòng Quản lý đào tạo, các Khoa chuyên môn, Hội đồng thẩm định đánh giá và Ban Giám hiệu nhà trường.

Cụ thể, quy trình bảo đảm chất lượng trong xây dựng CTĐT quy định rõ từng giai đoạn, trách nhiệm của từng đơn vị và cá nhân tham gia, bao gồm: Xác định nhu cầu, khảo sát thị trường lao động, thu thập thông tin từ doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan; Thành lập Ban Chủ nhiệm xây dựng, chỉnh sửa CTĐT; Tổ chức hội thảo, lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, doanh nghiệp và người học; Biên soạn, thẩm định đánh giá và phê duyệt CTĐT; Ban hành và tổ chức triển khai thực hiện; Đánh giá, cải tiến định kỳ sau mỗi chu kỳ đào tạo.

Quy trình này được vận hành thực tế trong tất cả các CTĐT của trường, trong đó có CTĐT Công nghệ ô tô ban hành theo Quyết định số 154/QĐ-CDCN&TM ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng. Quy trình bảo đảm các nguyên tắc: khoa học, minh bạch, có sự tham gia của doanh nghiệp và các bên liên quan. Nhà trường thường xuyên đánh giá nội bộ và rà soát mức

độ tuân thủ quy trình, kịp thời điều chỉnh những điểm chưa phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng.

Ngoài ra, trường đã xây dựng các công cụ hỗ trợ trong quản lý chất lượng CTĐT như: biểu mẫu thu thập minh chứng, phiếu khảo sát ý kiến, bảng tổng hợp phản hồi, và phần mềm quản lý đào tạo ESSoft phục vụ theo dõi tiến độ học tập và kiểm soát đầu ra. Các công cụ này được sử dụng đồng bộ giữa các đơn vị, bảo đảm dữ liệu minh bạch, có thể truy xuất và lưu trữ lâu dài.

Hoạt động đánh giá và cải tiến quy trình BĐCL được triển khai định kỳ hằng năm thông qua họp Hội đồng BĐCL, kiểm tra nội bộ và tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Kết quả đánh giá được cập nhật, lưu trữ và làm căn cứ cho việc sửa đổi, bổ sung quy trình, góp phần duy trì chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act) trong quản lý chất lượng CTĐT.

Nhờ áp dụng đồng bộ các quy trình và công cụ BĐCL, công tác xây dựng và quản lý CTĐT của trường đã đạt được tính thống nhất, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và bảo đảm tính ổn định, minh bạch, tạo nền tảng cho việc nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế (3.3.01. Các quy trình bảo đảm chất lượng của nhà trường; 7.1.01. Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm/Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT; 7.1.02. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Hội đồng đánh giá và Hồ sơ thẩm định/đánh giá CTĐT).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 2: *Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại các khu vực học tập, rèn luyện và các dịch vụ khác được giám sát, đánh giá và cải tiến.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại đặc biệt quan tâm đến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo, bao gồm hệ thống thư viện, phòng đọc, khu ký túc xá, căn tin, khu thể thao, khu tự học, phòng y tế học đường và các tiện ích công nghệ thông tin phục vụ hoạt động dạy – học.

Công tác quản lý, giám sát chất lượng các dịch vụ này được thực hiện theo quy trình bảo đảm chất lượng nội bộ. Hằng năm, trường tổ chức khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về hiệu quả sử dụng, mức độ hài lòng và các đề xuất cải tiến đối với cơ sở vật chất, trang thiết bị, dịch vụ học tập – sinh hoạt (Phiếu khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về công tác quản lý, hỗ trợ HSSV; Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức đào tạo, CSVC, chất lượng dịch vụ).

Trường thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hệ thống hạ tầng, thiết bị tại các khu vực học tập và sinh hoạt, kịp thời khắc phục sự cố, thay thế trang thiết bị hư hỏng. Các hợp đồng cung cấp dịch vụ căn tin, nước uống, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, y tế học đường đều được ký kết, giám sát và đánh giá chất lượng định kỳ.

Ngoài ra, nhà trường còn duy trì kênh phản hồi trực tuyến và hòm thư góp ý để tiếp nhận phản ánh của người học, qua đó tổng hợp và chuyển đến các đơn vị phụ trách xử lý. Phòng Quản lý HSSV, phòng Quản trị – Thiết bị và các khoa, bộ môn phối hợp triển khai biện pháp cải tiến, nâng cấp cơ sở vật chất, mở rộng không gian học tập, sinh hoạt, nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện tốt nhất cho người học.

Kết quả cho thấy, đa số người học hài lòng với môi trường học tập và dịch vụ hỗ trợ, tỷ lệ hài lòng đạt trên 85% trong các khảo sát ba năm gần đây. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế về không gian tự học và khu vực nghỉ ngơi cần được mở rộng và hiện đại hóa hơn trong giai đoạn tới (6.4.04. Hồ sơ y tế, Hợp đồng Canteen, Giấy chứng nhận Vệ sinh an toàn thực phẩm; 6.4.05. Phiếu khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về công tác quản lý, hỗ trợ HSSV; 6.4.06. Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức đào tạo, CSVC, chất lượng dịch vụ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Có hệ thống khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp, sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTĐT.

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác khảo sát và thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại thực hiện thường xuyên, có hệ thống. Hằng năm, phòng Đảm bảo chất lượng – Khảo thí chủ trì phối hợp với khoa chuyên môn và phòng Quan hệ doanh nghiệp tổ chức triển khai các đợt khảo sát, tổng hợp và phân tích kết quả phục vụ hoạt động cải tiến chương trình đào tạo.

Công tác khảo sát được thực hiện theo quy trình đảm bảo chất lượng nội bộ, trong đó có các bước rõ ràng: lập kế hoạch, thu thập dữ liệu, tổng hợp, báo cáo và đề xuất điều chỉnh chương trình. Nhà trường ban hành Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động định kỳ các năm học 2022, 2023, 2024; đồng thời triển khai Phiếu thu thập ý kiến doanh nghiệp và Phiếu thu thập ý kiến cựu HSSV theo mẫu thống nhất, phù hợp từng ngành nghề.

Các phiếu khảo sát được gửi đến doanh nghiệp hợp tác, cơ quan tuyển dụng, cựu sinh viên và đại diện người học, qua nhiều kênh như email, Google Form, hoặc khảo sát trực tiếp trong các buổi hội thảo, tọa đàm. Dữ liệu được tổng hợp, phân tích và lưu trong Báo cáo kết quả khảo sát, trong đó chỉ rõ tỷ lệ hài lòng, các nhóm năng lực người học cần cải thiện, đồng thời đề xuất điều chỉnh chuẩn đầu ra, nội dung chương trình và phương pháp đào tạo.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn doanh nghiệp đánh giá người tốt nghiệp có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu sản xuất, có thái độ làm việc tốt, tuy nhiên vẫn cần bổ sung kỹ năng

mềm, năng lực số và kỹ năng giao tiếp trong môi trường doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, các khoa đã đề xuất điều chỉnh mô-đun kỹ năng nghề, tăng thời lượng thực hành tại doanh nghiệp, bổ sung mô-đun “Ứng dụng chuyên đổi số trong ngành Công nghệ ô tô” vào chương trình năm 2025.

Việc triển khai khảo sát và sử dụng kết quả phản hồi được lưu trữ đầy đủ, có minh chứng rõ ràng, góp phần nâng cao hiệu quả cải tiến liên tục của chương trình đào tạo và nâng cao mối liên hệ giữa nhà trường – doanh nghiệp – người học (7.3.01. *Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động các năm*; 7.3.02. *Phiếu thu thập ý kiến Doanh nghiệp các năm*; 7.3.03. *Danh sách Doanh nghiệp khảo sát các năm*; 7.3.04. *Phiếu thu thập ý kiến cựu HSSV các năm*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT và thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.

Mô tả, phân tích, nhận định: Công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT được Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại triển khai định kỳ hằng năm theo hướng dẫn của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, nhằm bảo đảm CTĐT luôn được rà soát, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chuẩn đầu ra. Hằng năm, Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT, thành lập Hội đồng tự đánh giá, tổ chức thu thập minh chứng, phân tích, so sánh đối chiếu với các tiêu chí đánh giá, từ đó lập Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT.

Sau quá trình tự đánh giá, nhà trường tiến hành phân tích các điểm mạnh, điểm yếu và lập kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT, xác định rõ các nội dung cần điều chỉnh, thời hạn thực hiện và đơn vị chịu trách nhiệm. Kết quả tự đánh giá và cải tiến được công bố công khai trên website của trường (<https://coit.edu.vn/bao-cao-tu-danh-gia.html>), thể hiện tính minh bạch, công khai và cam kết về chất lượng đào tạo. Nhờ triển khai thường xuyên và nghiêm túc công tác này, các CTĐT – trong đó có ngành Công nghệ ô tô – đã được rà soát, cải tiến định kỳ, đảm bảo tính phù hợp với nhu cầu nhân lực và yêu cầu của thị trường lao động (7.4.01. *Kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT các năm*; 7.4.02. *Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá*; 7.4.03. *Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá*; 7.4.04. *Báo cáo tự đánh giá CTĐT*; 7.4.05. *Kế hoạch cải tiến chất lượng*; 7.4.06. *Trang web công khai báo cáo tự đánh giá*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học và thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát, đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng.

Mô tả, phân tích, nhận định: Trường Cao đẳng Công nghiệp và Thương mại định kỳ theo dõi, thống kê và phân tích các chỉ số chất lượng đầu ra như tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, thời gian tốt nghiệp trung bình nhằm đánh giá hiệu quả đào tạo và đề xuất các biện pháp cải

tiến.

Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, phòng ban tổng hợp số liệu kết quả tốt nghiệp, bỏ học hằng năm, lập báo cáo đánh giá nguyên nhân và giải pháp khắc phục.

Các chỉ số này được đưa vào Mục tiêu chất lượng của nhà trường hằng năm để theo dõi, so sánh, đánh giá xu hướng, đồng thời tích hợp vào hồ sơ đảm bảo chất lượng nội bộ nhằm phục vụ công tác đánh giá ngoài và cải tiến liên tục.

Bên cạnh đó, trường còn thực hiện các chính sách hỗ trợ học tập, miễn giảm học phí, chính sách nội trú, tư vấn học tập, tuần sinh hoạt công dân – HSSV nhằm giúp người học có điều kiện học tập thuận lợi, giảm tỷ lệ bỏ học, tăng tỷ lệ hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn.

Nhờ thực hiện đồng bộ các biện pháp trên, tỷ lệ tốt nghiệp của người học các năm đạt trên 95%, tỷ lệ bỏ học dưới 10%, thời gian tốt nghiệp trung bình đảm bảo theo quy định, phản ánh tính ổn định và hiệu quả của CTĐT (3.5.06. *Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học; 7.5.01. Báo cáo tổng kết các năm học; 7.5.02. Biên bản họp/Báo cáo phân tích nguyên nhân bỏ học và giải pháp cải tiến; 7.5.03. Mục tiêu chất lượng của trường các năm học; 7.5.04. Hồ sơ đảm bảo chất lượng nội bộ; 7.5.05. Quy chế, chính sách hỗ trợ HSSV; 7.5.06. Hình ảnh công khai Tuần sinh hoạt công dân – HSSV, website trường*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 6: *Dữ liệu về mức độ đạt CDR của người học CTĐT được xác lập và giám sát. Mức độ hài lòng của người tốt nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và các bên liên quan được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng.*

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường thực hiện đánh giá, theo dõi và giám sát mức độ đạt CDR của người học nhằm bảo đảm CTĐT ngành Công nghệ ô tô đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia và nhu cầu thị trường lao động. Sau mỗi khóa học, dữ liệu đánh giá kết quả học tập, kỹ năng thực hành, thái độ nghề nghiệp của người học được tổng hợp từ kết quả thi, kiểm tra, thực tập, báo cáo đề án và phản hồi của đơn vị tiếp nhận thực tập.

Trường cũng triển khai khảo sát người tốt nghiệp và đơn vị sử dụng lao động để đo lường mức độ hài lòng về năng lực nghề nghiệp, kỹ năng mềm, khả năng làm việc nhóm, thích ứng công nghệ và đạo đức nghề nghiệp. Các phiếu khảo sát được xây dựng thống nhất theo quy trình đảm bảo chất lượng, gửi đến doanh nghiệp và cựu HSSV ngay sau khi tốt nghiệp 6–12 tháng.

Kết quả khảo sát cho thấy hơn 85% người học đạt các năng lực nghề nghiệp theo yêu cầu của chuẩn đầu ra, 90% đơn vị sử dụng lao động hài lòng với thái độ và kỹ năng nghề của người tốt nghiệp. Những phản hồi chưa đạt yêu cầu được tổng hợp, phân tích để điều chỉnh CTĐT, phương pháp dạy học và tổ chức thực tập cho khóa sau.

Hoạt động đối sánh kết quả đạt chuẩn đầu ra và mức độ hài lòng của các bên liên quan được thực hiện định kỳ và đưa vào kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT hằng năm. Việc công khai báo cáo khảo sát trên website trường thể hiện tính minh bạch và cam kết cải tiến liên tục (7.6.01. Hồ sơ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện HSSV; 7.6.02. Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của người học; 7.6.03. Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động và người tốt nghiệp; 7.6.04. Phiếu khảo sát mức độ hài lòng các bên liên quan; 7.6.05. Báo cáo kết quả khảo sát và biện pháp cải tiến chất lượng).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 2,5 điểm.

Tiêu chuẩn 7: Tỷ lệ có việc làm, khởi nghiệp và tiếp tục học trình độ khác của người học sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh (nếu có) để cải tiến chất lượng. Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% người học tốt nghiệp có việc làm.

Mô tả, phân tích, nhận định: Nhà trường triển khai điều tra, theo dõi tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp nhằm đánh giá hiệu quả đào tạo và mức độ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Hoạt động này được quy định trong kế hoạch điều tra lần vết hằng năm, do Phòng quản lý HSSV chủ trì, phối hợp với các khoa chuyên môn và Phòng Quản lý Đào tạo tổ chức thực hiện (Kế hoạch điều tra lần vết các năm 2022, 2023, 2024).

Các cuộc khảo sát được tiến hành sau 6–12 tháng kể từ khi người học tốt nghiệp, thông qua phiếu khảo sát, phỏng vấn trực tuyến, điện thoại hoặc làm việc trực tiếp tại doanh nghiệp. Dữ liệu được tổng hợp, phân tích và đối sánh với kết quả khảo sát các năm trước để đánh giá xu hướng và mức độ cải thiện của chất lượng đào tạo (Danh sách HSSV được thu thập ý kiến theo từng nghề; Phiếu khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp và Báo cáo kết quả khảo sát).

Kết quả khảo sát ba năm gần đây cho thấy, tỷ lệ người học ngành Công nghệ ô tô có việc làm đúng chuyên ngành đạt trên 85%, 5% tự khởi nghiệp, 3–5% tiếp tục học nâng cao trình độ tại các trường đại học hoặc chương trình liên thông, vượt chỉ tiêu 80% theo quy định. Trường đồng thời phân tích nguyên nhân một số trường hợp chưa có việc làm ổn định để điều chỉnh nội dung đào tạo, kỹ năng mềm và kỹ năng tìm việc cho sinh viên.

Dữ liệu về việc làm của người học được cập nhật thường xuyên, là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá hiệu quả CTĐT và hoạch định chiến lược hợp tác doanh nghiệp, đồng thời công bố công khai trong các báo cáo đảm bảo chất lượng hằng năm (7.7.01. Kế hoạch điều tra lần vết các năm; 7.7.02. Danh sách HSSV được thu thập ý kiến theo từng nghề; 3.5.06. Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học; 7.7.03. Phiếu khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp; 7.7.04. Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 2,5 điểm.

BẢNG MÃ MINH CHỨNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
1	1	1.1	1.1.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo của Hiệu trưởng
			1.1.02		Chương trình đào tạo
			1.1.03		Báo cáo khảo sát nhu cầu thị trường lao động
			1.1.04		Biên bản hội thảo/lấy ý kiến về CTĐT
		1.2	1.2.01		Chuẩn đầu ra của CTĐT nghề Công nghệ ô tô
			1.2.02		Biên bản họp hội đồng xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra
			1.2.03		Phiếu khảo sát và báo cáo tổng hợp ý kiến đơn vị sử dụng lao động
			1.2.04		Kế hoạch và báo cáo rà soát cập nhật CDR
			1.2.05		Website công bố CDR CTĐT https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra
		1.3	1.3.01		Chuẩn đầu ra có tích hợp năng lực số
			1.3.02		Biên bản họp/biên bản hội thảo rà soát, điều chỉnh, tích hợp năng lực số vào CDR CTĐT
			1.3.03		Báo cáo kết quả rà soát, cập nhật CDR CTĐT theo hướng tích hợp năng lực số
				1.2.05	Website công bố CDR CTĐT https://coit.edu.vn/chuan-dau-ra
2	2	2.1	2.1.01		Quyết định ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng
			2.1.02		Biên bản họp Hội đồng rà soát, thẩm định CTĐT
			2.1.03		Báo cáo rà soát, cập nhật CTĐT
			2.1.04		Công bố CTĐT trên website trường

				https://coit.edu.vn
2	2.2	2.2.01		Quyết định thành lập Hội đồng rà soát, chỉnh sửa CTĐT nghề Công nghệ ô tô
		2.2.02		Biên bản hội thảo, góp ý CTĐT với doanh nghiệp và chuyên gia
		2.2.03		Báo cáo rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của nội dung CTĐT
		2.2.04		Phiếu khảo sát doanh nghiệp, người học và các bên liên quan
		2.2.05		Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường liên quan đến cập nhật CTĐT
2	2.3	2.3.01		Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Hội đồng rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT
		2.3.02		Biên bản họp khoa, biên bản hội thảo lấy ý kiến các bên liên quan
		2.3.03		Ma trận liên kết mô-đun – chuẩn đầu ra CTĐT
		2.3.04		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát phản hồi của doanh nghiệp, cựu sinh viên và người học
			1.1.01	Quyết định ban hành CTĐT nghề Công nghệ ô tô
2	2.4	2.4.01		Kế hoạch rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT các năm
		2.4.02		Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá và cải tiến CTĐT
		2.4.03		Biên bản họp Hội đồng rà soát, cập nhật CTĐT
		2.4.04		Phiếu thu thập và tổng hợp ý kiến của các bên liên quan về mức độ phù hợp của CTĐT
			1.1.01	Quyết định ban hành CTĐT nghề Công nghệ ô tô).
2	2.5	2.5.01		Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường liên quan đến GTĐT

			2.5.02		Các kế hoạch, quyết định, hồ sơ, biên bản, phiếu nhận xét về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo
			2.5.03		Danh mục giáo trình các mô-đun, môn học của CTĐT
			2.5.04		Biên bản họp rà soát, đánh giá, cập nhật danh mục giáo trình giảng dạy
	2	2.6		2.5.02	Các kế hoạch, quyết định, hồ sơ, biên bản, phiếu nhận xét về việc lựa chọn, biên soạn, điều chỉnh và thẩm định giáo trình đào tạo
			2.6.01		Kế hoạch và Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình
			2.6.02		Biên bản họp rà soát, đánh giá cập nhật giáo trình giảng dạy
			2.6.03		Hình ảnh bài giảng điện tử, giao diện hệ thống E-learning
	2	2.7	2.7.01		Kế hoạch và Báo cáo kết quả thu thập, tổng hợp ý kiến khảo sát về mức độ phù hợp của giáo trình
			2.7.02		Biên bản họp rà soát, đánh giá, cập nhật giáo trình giảng dạy
			2.7.03		Danh mục giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa giai đoạn 2023–2025
				2.5.01	Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường liên quan đến GTĐT
3	3	3.1	3.1.01		Quy chế tuyển sinh
			3.1.02		Kế hoạch tuyển sinh
			3.1.03		Thông báo tuyển sinh
			3.1.04		Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định chỉ tiêu
			3.1.05		Công văn đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh của Trường

			3.1.06		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp
			3.1.07		Báo cáo tổng kết tuyển sinh các năm
		3.2	3.2.01		Các chương trình đào tạo của trường
				2.6.03	Hình ảnh giao diện phần mềm E-learning và bài giảng điện tử
			3.2.02		Giáo án, kế hoạch giảng dạy các môn học, mô-đun
			3.2.03		Biên bản dự giờ, phiếu đánh giá giảng dạy
			3.2.04		Báo cáo tổng kết công tác chuyên môn của Khoa Công nghệ ô tô các năm
		3.3	3.3.01		Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường
				3.2.02	Giáo án, kế hoạch giảng dạy các môn học, mô-đun
				3.2.03	Biên bản dự giờ, phiếu đánh giá giảng dạy
			3.3.02		Báo cáo kết quả khảo sát người học về phương pháp giảng dạy và học tập
			3.3.03		Hình ảnh hoạt động học nhóm, dự án, nghiên cứu khoa học của HSSV
				3.2.04	Báo cáo tổng kết công tác chuyên môn của Khoa Công nghệ ô tô các năm
		3.4	3.4.01		Hợp đồng, Thỏa thuận hợp tác về việc sinh viên thực tập
			3.4.02		Quyết định của Hiệu trưởng về việc sinh viên thực tập
			3.4.03		Danh sách sinh viên đi thực tập các năm
			3.4.04		Chương trình mô-đun thực tập doanh nghiệp
			3.4.05		Báo cáo thực tập và Bảng nhận xét thực tập
			3.4.06		Quy định về việc thực tập kết hợp sản xuất tại

					doanh nghiệp
		3.5	3.5.01		Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun
			3.5.02		Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn học, mô-đun
			3.5.03		Hồ sơ tổ chức thi (biên bản coi, chấm thi; phiếu chấm; bản đối chiếu số phách; bản vào điểm)
			3.5.04		Hồ sơ xây dựng và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi/ngân hàng đề thi MH/MĐ (quy định, kế hoạch xây dựng và nghiệm thu, quyết định giao nhiệm vụ, quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu và biên bản nghiệm thu)
			3.5.05		Biên bản họp khoa về việc rà soát, đánh giá, cập nhật ngân hàng câu hỏi/đề thi
			3.5.06		Quyết định công nhận tốt nghiệp
			3.5.07		Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện HSSV
			3.5.08		Thông báo và Biên bản họp về việc rà soát các Quy chế, Quy định liên quan
				3.3.01	Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường
		3.6		3.5.01	Quy định về việc tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun
				3.5.04	Hồ sơ xây dựng và nghiệm thu ngân hàng câu hỏi/ngân hàng đề thi MH/MĐ
				3.5.05	Biên bản họp khoa về việc rà soát, đánh giá, cập nhật ngân hàng câu hỏi/đề thi
				3.3.01	Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường
			3.6.01		Hồ sơ về phần mềm quản lý đào tạo ESSoft
				3.4.05	Báo cáo thực tập và Bảng nhận xét thực tập của doanh nghiệp
		3.7		3.5.03	Hồ sơ tổ chức thi (biên bản coi, chấm thi; phiếu

					chăm; bản vào điểm
				3.5.07	Hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện HSSV
				3.3.01	Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường
			3.7.01		Báo cáo tổng kết của Phòng Quản lý đào tạo các năm học.
4	4	4.1	4.1.01		Danh sách trích ngang đội ngũ nhà giáo
			4.1.02		Hồ sơ minh chứng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo
			4.1.03		Kế hoạch phân công giảng dạy các năm học
			4.1.04		Hồ sơ đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ các năm
			4.1.05		Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo các năm
		4.2		4.1.03	Kế hoạch phân công giảng dạy các năm học
				4.1.05	Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại nhà giáo các năm
				4.1.04	Hồ sơ đánh giá, xếp loại nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ các năm
		4.3	4.3.01		Kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo hằng năm
			4.3.02		Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo
			4.3.03		Hồ sơ minh chứng về hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của nhà giáo
			4.3.04		Hồ sơ khen thưởng nhà giáo đạt thành tích tại các hội thi, hội giảng chuyên môn
		4.4	4.4.01		Kế hoạch tổ chức các lớp bồi dưỡng tại trường và Kế hoạch tổ chức sát hạch ngoại ngữ, tin học
			4.4.02		Công văn, Quyết định cử nhà giáo đi học tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp
			4.4.03		Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của nhà

					giáo
		4.5	4.5.01		Quy chế và hồ sơ thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý
			4.5.02		Danh sách trích ngang và Phiếu đánh giá viên chức, người lao động hằng năm
			4.5.03		Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ quản lý và các quyết định cử cán bộ quản lý đi tập huấn nghiệp vụ hằng năm
		4.6	4.6.01		Quy chế chi tiêu nội bộ, Quyết định khen thưởng
			4.6.02		Kế hoạch dự giờ và Phiếu đánh giá bài giảng
			4.6.03		Báo cáo tổng kết năm học của nhà trường
			4.6.04		Chứng từ nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động
5	5	5.1	5.1.01		Báo cáo hiện trạng cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo
			5.1.02		Hồ sơ kiểm định an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy
			5.1.03		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ thiết bị và hạ tầng kỹ thuật
			5.1.04		Hình ảnh khu vực học tập, phòng thực hành – thí nghiệm, cơ sở hạ tầng đảm bảo cho người khuyết tật và bình đẳng giới
		5.2			Quy trình quản lý thiết bị đào tạo
			5.2.02		Danh mục thiết bị đào tạo của nghề Công nghệ ô tô
			5.2.03		Hồ sơ giao nhận thiết bị, dụng cụ đào tạo
			5.2.04		Phần mềm Quản lý thiết bị
		5.3		5.2.01	Quy trình quản lý thiết bị đào tạo
				5.2.04	Phần mềm Quản lý thiết bị

			5.3.01		Báo cáo tổng kết công tác quản lý tài sản hàng năm
		5.4	5.4.01		Quy định về cấp phát vật tư
			5.4.02		Hồ sơ, biên bản giao nhận vật tư thực tập
		5.5	5.5.01		Hồ sơ thư viện (sơ đồ, bản vẽ, diện tích, trang thiết bị)
			5.5.02		Danh mục giáo trình, tài liệu, học liệu cập nhật hàng năm
			5.5.03		Hình ảnh phần mềm quản lý học liệu và hệ thống E-learning
			5.5.04		Báo cáo tổng kết công tác thư viện và phát triển học liệu các năm học
		5.6		5.2.02	Danh mục thiết bị đào tạo của nghề Công nghệ ô tô
			5.6.01		Hồ sơ về phần mềm quản lý đào tạo ESSoft
			5.6.02		Hợp đồng thuê hệ thống phần mềm E-learning
				2.6.03	Hình ảnh giao diện phần mềm E-learning và bài giảng điện tử
6	6	6.1	6.1.01		Quy chế công tác học sinh, sinh viên
			6.1.02		Quy chế đào tạo
			6.1.03		Kế hoạch tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - HSSV” đầu khóa
			6.1.04		Thông tin công khai trên website trường và hệ thống quản lý đào tạo ESSoft
		6.2	6.2.01		Quy chế xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV
			6.2.02		Hồ sơ khen thưởng HSSV
			6.2.03		Hồ sơ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách nội trú

			6.2.04		Công khai thông tin về khen thưởng, học bổng, chính sách hỗ trợ trên website trường
			6.2.05		Quy định về công tác giáo viên chủ nhiệm tại trường
		6.3	6.3.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các năm
			6.3.02		Hồ sơ hoạt động văn hóa, văn nghệ của HSSV
			6.3.03		Hồ sơ hoạt động thể dục, thể thao của HSSV
			6.3.04		Hồ sơ tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thi sáng tạo, khởi nghiệp của HSSV
			6.3.05		Hồ sơ hoạt động tình nguyện, xã hội, phục vụ cộng đồng của HSSV
			6.3.06		Công khai thông tin, tin bài hoạt động HSSV trên website, bản tin trường
			6.3.07		Báo cáo tổng kết công tác đoàn các năm
			6.3.08		Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm các năm
		6.4	6.4.01		Kế hoạch tổ chức các hoạt động hướng nghiệp và giới thiệu việc làm các năm
			6.4.02		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các năm
			6.4.03		Quy định về quản lý HSSV nội trú
			6.4.04		Hồ sơ y tế, Hợp đồng Canteen, Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm
			6.4.05		Phiếu khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về công tác quản lý, hỗ trợ HSSV
			6.4.06		Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức đào tạo, CSVC, chất lượng dịch vụ.
7	7	7.1		3.3.01	Các quy trình đảm bảo chất lượng của nhà trường

			7.1.01	Quyết định thành lập Ban Chủ nhiệm rà soát, chỉnh sửa, xây dựng CTĐT
			7.1.02	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định/Hội đồng đánh giá và Hồ sơ thẩm định/đánh giá CTĐT)
		7.2	6.4.04	Hồ sơ y tế, Hợp đồng Canteen, Giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm
			6.4.05	Phiếu khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về công tác quản lý, hỗ trợ HSSV
			6.4.06	Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về hiệu quả các hình thức đào tạo, CSVC, chất lượng dịch vụ.
		7.3	7.3.01	Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động các năm
			7.3.02	Phiếu thu thập ý kiến Doanh nghiệp các năm
			7.3.03	Danh sách Doanh nghiệp khảo sát các năm
			7.3.04	Phiếu thu thập ý kiến cựu HSSV các năm
		7.4	7.4.01	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT các năm
			7.4.02	Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá
			7.4.03	Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá
			7.4.04	Kế hoạch cải tiến chất lượng
			7.4.05	Báo cáo tự đánh giá CTĐT
			7.4.06	Trang web công khai báo cáo tự đánh giá
		7.5	3.5.06	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học
			7.5.01	Báo cáo tổng kết các năm học
			7.5.02	Biên bản họp/Báo cáo phân tích nguyên nhân bỏ học và giải pháp cải tiến
			7.5.03	Mục tiêu chất lượng của trường các năm học

			7.5.04		Hồ sơ đảm bảo chất lượng nội bộ
			7.5.05		Quy chế, chính sách hỗ trợ HSSV
			7.5.06		Hình ảnh công khai Tuần sinh hoạt công dân – HSSV, website trường
		7.6	7.6.01		Hồ sơ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện HSSV
			7.6.02		Báo cáo kết quả thực tập doanh nghiệp của người học
			7.6.03		Kế hoạch thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động và người tốt nghiệp
			7.6.04		Phiếu khảo sát mức độ hài lòng các bên liên quan
			7.6.05		Báo cáo kết quả khảo sát và biện pháp cải tiến chất lượng
		7.7	7.7.01		Kế hoạch điều tra lần vết các năm
			7.7.02		Danh sách HSSV được thu thập ý kiến theo từng nghề
				3.5.06	Quyết định công nhận tốt nghiệp các năm học
			7.7.03		Phiếu khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp
			7.7.04		Báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp